Chữ nghĩa làng văn

"Chữ nghĩa làng văn" đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được góp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tín thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra "sai" hay "đúng", vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngộ Không Phi Ngọc Hùng.

***

Xũ

Xũ : *quan tài*
hàng xũ : *tiệm* bán quan tài
(Phố Lò Xũ : phố bán quan tài ở Hà Nội và Nam Định)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Chữ Tàu tiếng Việt

Học trò hỏi:
- Thừa thầy, đàn bà gó chồng gọi là quả phụ.
Đàn ông góa vợ gọi là gì thầy
Thầy đáp::
- Gọi là *quan phu*

Theo ông Thiếu Chửu:
Chữ "quan" viết bộ ngư.
Chữ "quan" viết *bộ mộc* là…*áo quan*.

(trích *Quan phu* – Khuyết danh)

Chữ Việt cổ

Do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại…

Con đỏ: *con mới đẻ*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

Cuốn sách được đặt tiêu đề: *Từ điển chính tả tiếng Việt*,.Ts Nguyễn Văn Khang hoàn toàn không "*xử lí chính tả*" theo tài liệu, mà "*xử lí*" theo *cảm tính chủ quan, hoặc căn cứ theo một nguồn tài liệu nào đó, dẫn đến rất nhiều sai sót.*

"siêu: *siêu* tán. → không viết: *xiêu*".

Viết "xiêu" mới đúng. Vì "*xiêu*" có nghĩa là *trôi nổi, lưu lạc* (như "*hồn xiêu phách lạc, xiêu lạc, xiêu dạt, xiêu lưu*

(Hòang Tuấn Công)

Đồng tiền hoẻn

Bài "Đồng tiền hoẻn" hay "Vịnh đồng tiền" có câu:
Mở mặt vuông tròn với thế gian
Kém cạnh cho nên mang tiếng hỏen

Có một số người cho là của cụ Tam Nguyên Yên Đổ,
lại có người lại cho là của bà Hồ Xuân Hương.

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

"lãi: lãi *xuất*". (Gs Nguyễn Văn Khang)

Viết chuẩn là "lãi suất" (do "lợi suất" 利率 trong tiếng Hán).
"suất" 率 là yếu tố gốc Hán, có nghĩa *tỉ lệ, mức*.

(Hòang Tuấn Công)

Cấu tạo câu đố

Ta tách biệt nó ra khỏi ca dao vì, ở cả hai phương diện kết cấu và nội dung đều khác ca dao. Tuy là câu đố, hình thức của nó cao hẳn hơn nhiều tục ngữ. Không nguyên phải chú ý đến tư tưởng mà còn phải chú trọng đến lời nữa.
Cấu tạo theo cách này, câu đố cũng tương tự như tục ngữ, câu đặt cần chia ra hai đoạn, có hai chữ vần với nhau, ở đây cũng là vần yêu vận.
- Vừa bằng cái nong, cả làng đong chẳng hết (giếng)
- Vừa bằng hột đỗ, ăn giỗ cả làng (con ruồi)

(Câu đố - Thanh Lãng)

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

"sử: *sử* kiện → không viết: *xử*". (Gs Nguyễn Văn Khang)

Viết "xử" mới đúng (*xử* 處 là yếu tố gốc Hán có nghĩa là *phân xử*). *Việt Nam từ điển* (Lê Văn Đức): "*xử kiện*. Phân-xử một vụ kiện, định phần lỗi phải về ai và định tội-trạng: *Quan ngồi xử kiện".*

(Hòang Tuấn Công)

(dữ kiện lịch sử : sử kiện?)

Hồi ký Nguyễn Hiến Lê

Sách báo miền Bắc

Các sách biên khảo tập thể khác cũng vậy, tuy công phu mà cũng có vài lỗi nặng, khiến tôi có cảm tưởng rằng họ *làm việc tập thể đấy, nhưng chẳng ai chịu trách nhiệm cả*; ngay cả Hội đồng xét duyệt cũng *chưa chắc đã đọc lại tác phẩm.*
Trái lại, một số công trình biên khảo cá nhân rất có giá trị, như bộ sử *Cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông* của Hà Văn Tấn, rồi tới bộ *Lam Sơn khởi nghĩa* của Phan Huy Lê…Xét chung, công việc khảo cứu về sử (sử dân tộc cũng như sử văn học) và công việc khảo cổ, khai quật để tìm di tích ở Bắc hơn hẳn trong Nam.
Về Việt ngữ, ngoài đó cũng tốn công nghiên cứu nhưng kết quả không được bao nhiêu (trừ ngành chữ Nôm), không bằng kết quả vài cá nhân trong Nam như *Lê Ngọc Trụ*…

Khi đã thống nhất, tôi viết một bài *Góp ý về việc Thống nhất tiếng Việt* đăng trên tờ *Giải phóng chủ nhật*. Đại ý tiếng Việt từ hồi nào tới giờ vẫn thống nhất, nay chỉ cần "qui định" một số tiếng thôi; công việc đó mới xét tưởng là dễ dàng nhưng thực ra cũng có khá nhiều vấn đề nan giải và tôi nêu ra một số vấn đề về thống nhất: *1. phát âm, 2. chính tả, 3. từ ngữ, 4. ngữ pháp.* Vấn đề thống nhất tiếng Việt nêu lên rầm rộ ở khắp nước năm 1976 rồi lặng xuống. Năm 1978 có một hội nghi thống nhất chính tả ở Sài Gòn.
Tôi không dự mà chỉ viết thư góp ý kiến, đại ý bảo "Gần hoàn toàn đồng ý với ban tổ chức về tiêu chuẩn hoá chính tả, chỉ xin nhắc lại chủ trương của tôi là giữ đúng cách viết tên người tên đất của nước ngoài như *Napoléon, Marseille, London*…; chỉ một số thuật ngữ khoa học là cần phiên âm.

(Hồi ký Nguyễn Hiến Lê)

Thuở mơ làm văn sĩ

Trở lại với hồi ức chiều hôm ấy, tôi gặp lại Tú Kếu Trần Đức Uyển. Chiều hôm thứ bảy đó khi tôi đang đạp xe đi lang thang trong thành phố quen thuộc. Vẫn dáng gầy cồm ốm yếu như thuở nào, vẫn cặp kính trắng dầy cộm luôn luôn trên mắt. Tôi gặp lại hầu hết những người bạn như tôi thuở đam mê văn nghệ. Một số khác đã có danh, công tác ở những tờ báo khác như Chu Tử, Hoàng Hải Thuỷ, Nguyên Sa, Hoàng Anh Tuấn. Lê Xuyên. Các anh viết cho tờ báo trong đó có tôi hợp tác, vì tình cảm chứ không vì tiền nhuận bút. những người làm việc cật lực để hoàn tất số báo là vợ chồng TDTừ, Nhã Ca, Tú Kếu và tôi.

Tờ tuần báo Ngàn Khơi nghèo nàn đến thảm hại. Toàn là do sự góp công góp sức của các anh em văn nghệ sĩ nghèo. Riêng tôi chưa dám xài danh từ ấy, dẫu là có mơ ước. Tú Kếu và tôi được nuôi cơm ngày hai bữa, buổi sáng có gói xôi đồng bạc, ly cà phê đen nhỏ, điếu thuốc. Nhưng chúng tôi làm việc từ A đến Z, không nề hà bất cứ một công việc gì. Tuy thiếu thốn, nhưng tôi lại có một thể trâu nước, nên anh em gọi tôi là thằng *trâu nước*, những công việc náo nặng nhọc quá tôi gánh thay cho Tú Kếu. Thuở đó in báo còn dùng kỹ thuât ti pô, chưa có vi tính như bây giờ nên cực vô cùng, mà tôi với những anh em đam mê. Làm thế nào cho có chữ nghĩa thì thôi. Tôi giao bài cho Tú Kếu đưa sắp chữ, tôi lăn ra ngủ trên những ram giấy in. Tiếng máy in chạy không làm rộn giấc ngủ của tôi, nói thật tình tôi coi cái âm thanh đó êm ái như tiếng ru của mẹ thuở ấu thơ. Lại mơ mộng rồi thăng hoa tầm bậy. Thực tế không phải như thế, vì thói quen bạ đâu ngủ đó thôi.

Như chạy lên chạy xống bộ thông tin, đi lấy bài vở anh em, có khi chở xe đạp theo Tú Kếu, để nâng cao uy tín lấy bài được chóng vánh, vì khi đó tôi chưa là gì cả, một anh loong toong, tuỳ phái, sai vặt...Đôi khi đi đường đánh lộn để bênh vực Tú Kếu vì hắn ta có tính láo ưa chửi bậy, cà khịa lung tung, bởi cái tính hắc xì xằng kiểu lý tưởng nhà quê. Phần phải về Tú Kếu đôi khi chỉ có 30%, nhưng không lẽ vì vậy mà bỏ bạn sao. Anh em vì vậy cũng gọi tôi là ' nhà văn du đãng '. Cũng được, chẳng sao. Tú Kếu chỉ nặng hơn 30 ký lô, có phải chở đi từ đầu SG đến Gò Gấp nhà Đằng Giao để lấy hình vẽ đi làm cliché cũng chẳng nhằm nhò gì.

(Nguyễn Thụy Long)

Đừng tưởng

Đừng tưởng cứ thích là yêu..
Nhiều khi nhầm tưởng bao điều chẳng hay
(Bùi Giáng)

Trần Tuấn Kiệt

Những tác phẩm của nhà thơ Trần Tuấn Kiệt được nhắc đến nhiều như: *Thơ Trần Tuấn kiệt*; *Cuồng loạn…* và các trường ca: *Ngôi đền cổ; Trường ca đất…*
- Truyện dài: Một bộ gồm 4 tập *Mê cung, Màu kỷ niệm, Sa mạc lan dần, Tiếng đồng nội.*

- Biên khảo: *Thi Ca Việt Nam Hiện Đại (1880-1965)*.
Bàn về tác phẩm này, nhà văn Viên Linh cho biết, cuốn "Thi Ca Việt Nam Hiện Đại, 1880-1965," dày tới 1160 trang, đóng bìa cứng in màu xanh da trời, to dày như một cuốn Tự Điển. Sách in xong năm 1967, không hiểu sao tôi còn giữ được đến nay, 2019, là hơn nửa thế kỷ." (Người Việt 18/10/2019).

Ngoài ra, còn có một tác phẩm khác là *Tác Giả Tác Phẩm* trước 1975 và sau 1975, tất cả dày hơn 5,000 trang gồm năm quyển, tự in còn dang dở.

Theo Vương Trùng Dương, Trần Tuấn Kiệt sống rất giản dị, ăn mặc xuềnh xoàng. Ông *suốt đời lấy bạn và rượu làm niềm vui*. Bùi Ngọc Tuấn, bạn ông, cho rằng, "Ông làm thơ rất nhanh, gặp tờ giấy nào cũng viết lên, viết xong bài thì *bỏ vào một cái sọt tre lớn treo trên vách nhà*. Thơ đã viết ra giấy là không sửa đổi gì nữa. Khi có báo hỏi xin bài, *ông quơ tay vào trong sọt, lấy ra dăm bảy bài đưa cho họ*." (Theo Người Việt 19/10/219).

Tài liệu về Trần Tuấn Kiệt tôi lấy từ nhiều bài viết khác nhau của Vương Trùng Dương, Thica.net, Ngô Nguyên Nghiễm, Viên Linh, Bùi Ngọc Tuấn… Cái tài liệu đưa ra nhiều chi tiết khá khác nhau.

(Tưởng nhớ những khuôn mặt văn chương – Trần Dõan Nho)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Con gà cục tác lá chanh
Mới cục vài tiếng đã thành…gà quay

Sách cũ miền Nam 1954 -1975

Mai Thảo dù chỉ viết truyện thuần túy văn chương như *Người thầy cũ, Mười đêm ngà ngọc, Căn nhà vùng nước mặn hay Bày thỏ ngày sinh nhật* cũng vẫn bị coi là tên Biệt kích văn nghệ hàng đầu của miền Nam. Thanh Tâm Tuyền dù siêu thực hay lãng đãng bí hiểm như *Tôi không còn cô độc, Bếp lửa, Cát lầy* cũng là kẻ cấy mầm độc tư tưởng ngoại lai thoái hoá. Hủy diệt các niềm tin thì đã có Phạm Công Thiện. Duyên Anh có viết *Dấu chân sỏi đá, Hoa thiên lý, Thằng Khoa, Gấu rừng, Giặc ô Kê* cho trẻ con cũng vẫn là tên đầu sỏ văn nghệ nguy hiểm.

Người ta nhắm đánh vào người, *nhắm thái độ lập trường chính trị để đánh giá tác phẩm của tác giả*. Vì nhắm tác giả nên có *nhiều nhà văn tự nhiên được sót tên một cách cố ý*. Đó là những nhà văn một mặt nào đó có thể không chịu xếp hàng trong xã hội miền Nam cho dù thực sự họ cũng xếp hàng như mọi người.

Có nghĩa là xét về mặt tác phẩm thì những nhà văn này cũng chẳng khác gì các nhà văn vừa kể ở trên. Có gì phân biệt được về phong cách viết giữa Bình Nguyên Lộc với Lê Xuyên hay với Võ Phiến. Nhưng Bình Nguyên Lộc *được tha*.

Giữa Nguyễn Văn Trung và Lý Chánh Trung đôi khi ta tưởng hai người có cùng một lập trường, cùng một quan điểm và cùng một đường lối. Nhưng sách vở thì lại bị phân biệt đối xử khác nhau.
Trong số những người *sót tên trong sổ đen* phải kể đến Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, Vũ Hạnh (sic), Lý Chánh Trung, Lữ Phương, Nguyễn Trọng Văn, Thích Nhất Hạnh.

Sự đánh phá và truy chụp đó nói là một sự *muốn xoá trắng Văn học miền Nam.*

(Nguyễn Văn Lục)

Tướng mạo con người qua ca dao, dân ca

Đàn bà nhiều tóc thì…sang
Đàn ông nhiều tóc thì…mang nặng đầu

Một nền văn học của những người vắng mặt

Các nhà văn xuất hiện thường xuyên trên nhật báo, qua các nhà xuất bản, nhất là trên các báo định kỳ, và thành từng nhóm. Lý lịch văn chương và sắc thái địa phương của họ rất tương đồng, tùy theo nhóm các tạp chí trên đó họ góp mặt. Đa số các nhà văn gốc miền Nam qui tụ trên các tờ tuần báo *Đời Mới, Nhân Loại,* và nhật báo như *Tiếng Chuông, Sàigon Mới* (Hồ Hữu Tường, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam...).

Các nhà văn gốc miền Trung trên tờ *Văn Nghệ Mới, Bách Khoa* (Võ Phiến, Vũ Hạnh, Bùi Giáng, Nguyễn Thị Hoàng).
Các nhà văn "di cư" xuất hiện trên các tờ *Đất Đứng, Sáng Tạo,* và trên các nhật báo như *Tự Do, Ngôn Luận* (Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ, Nghiêm Xuân Hồng, Nguyễn Sỹ Tế, Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền) hay *Văn Nghệ* (Dương Nghiễm Mậu, Viên Linh), *Hiện Đại* (Nguyên Sa, Trần Dạ Từ). Tờ *Chỉ Đạo, Phụng Sự, Tiền Tuyến* qui tụ các nhà văn quân đội hay quân nhân đồng hóa (Nguyễn Mạnh Côn, Thanh Nam, Phan Nhật Nam, Thảo Trường)

Tại miền Nam, các nhà văn, các tư nhân có quyền ra báo, lập nhà xuất bản riêng, sáng tác tự do theo ý mình, viết theo niềm tin và tín ngưỡng của mình. Khuynh hướng Phật giáo có các tờ *Tư Tưởng, Vạn Hạnh* với Tuệ Sỹ, Bùi Giáng, Phạm Công Thiện, khuynh hướng Thiên chúa giáo La mã có *Hành Trình, Đối Diện* với Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Ngọc Lan. Mặc dù Cộng Sản bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, song nhà văn theo Cộng sản như Vũ Hạnh vẫn tạo được diễn đàn riêng *(Tin Văn)*.

Những tờ như *Văn, Phổ Thông, Văn Học,* qui tụ các nhà văn không có lập trường chính trị biểu hiện rõ rệt, mà thuần túy văn thơ cổ điển như Đông Hồ, Mộng Tuyết, Nguyễn Vỹ, Bùi Khánh Đản, hay văn nghệ thời đại, sinh hoạt thành phố như Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Túy Hồng; những tờ về nghệ thuật trình diễn hay về phụ nữ qui tụ các nhà văn như Tùng Long, An Khê, Lê Xuyên, Nguyễn Thụy Long, Văn Quang ...

(Viên Linh)

Sông Sê Băng Hiêng (1) chi lưu của sông Sê Pôn

Chuyến đi rong ruổi của chúng tôi (Nguyễn Lân Bình và Vũ Thế Khôi) bằng ô tô, loại xe 45 chỗ ngồi vượt 2300 cây số. Lần này chúng tôi không chỉ đến Sê Pôn, một thị trấn nhỏ trên đường số 9 phía Trường Sơn Tây, một địa danh, một điểm mốc địa lý quan trọng cả từ thời chiến tranh Đông Dương. Anh Lân Bình còn đưa mọi người chúng tôi đi tới tận Viên Chăn, thủ đô Vương quốc Lào, rồi vượt sông Mê Kông sang cả thành phố Udon thuộc tỉnh Udonthani của Vương quốc Thái Lan.
Con đường số 9 qua Nam Lào hôm nay, đã được trải nhựa phẳng lì, tựa như một dải lụa xám uốn lượn trên nền xanh mênh mông của núi rừng, điểm xuyết đôi ba cây phượng vĩ đỏ ối. Con đường đưa chúng tôi tới *điểm đến tâm linh*, chân cầu Sê Băng Hiêng, cây cầu bắc qua dòng sông Sê Băng Hiêng, chi lưu của sông Sê Pôn.

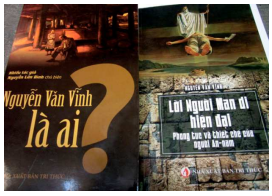

Những tác phẩm của
Nguyễn Lân Bình viết về
ông nội Nguyễn Văn Vĩnh

Anh Bình đã tính toán lịch trình chính xác, để chúng tôi tới được *điểm đến tâm linh* đúng vào ngày 15 tháng 6, ngày sinh của *Người Man di hiện đại – Nguyễn Văn Vĩnh*, để dâng nén nhang thành kính dưới chân cây cầu cũ, nơi mà "Ông Tổ nghề báo nước Nam" *Tân Nam*

Tử đã cô đơn giã từ bể khổ, trên một con thuyền độc mộc, sau cái đêm ngày 1.5.1936 mưa gió.

(Vũ Thế Khôi)

(1) Nơi Nguyễn Văn Vĩnh mất gần Tchépone ở bên Lào.

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Má ơi đừng gả con xa.
Chim kêu vượn hú biết đâu mà lần.
Má ơi đừng gả con gần.
Con qua xúc gạo nhiều lần má la.

Chữ nghĩa làng văn

Hai mươi năm sau cái chết của Nguyễn Bính (20/1/1966*), tác phẩm của nhà thơ này mới thoát khỏi cõi "im lặng đáng sợ" của sự quên lãng chẳng biết vô tình hay cố ý của những ai ai,* trở lại được in ấn, đăng tải, bàn luận. Từ 1986, những sưu tập, tuyển tập thơ Nguyễn Bính liên tục được in ra, liên tục có mặt trên giá các quầy sách các hiệu sách. Tiếp đó cũng đã thấy xuất hiện nhiều cuốn sách nói về con người, cuộc đời và đặc sắc sáng tạo của nhà thơ này. Khá nhiều đoạn đời Nguyễn Bính đã được phác họa, dù có khi chỉ thông qua những giai thoại.

Tuy vậy, có một loạt sự việc về hoạt động của Nguyễn Bính những năm 1955-57, tức là khi Nguyễn Bính từ miền Nam về Bắc, sống và làm việc ở Hà Nội, làm báo Trăm Hoa, *rồi sau chừng như là bị an trí,* nghĩa là bị buộc phải về sống ở Nam Định, *thì hầu như ít thấy ai nhắc đến*. Những bài viết được gom vào các cuốn sách Nguyễn Bính, thi sĩ của yêu thương; Nguyễn Bính, đời và thơ; Thơ và giai thoại Nguyễn Bính; Nguyễn Bính, nhà thơ chân quê, v.v... không nhắc gì đến sự việc này, những người được xem là cùng làm việc với Nguyễn Bính thời gian nói trên như Trần Lê Văn, Hoài Việt... nếu nhắc đến cũng chỉ *bất đắc dĩ xác nhận* "Nguyễn Bính làm báo Trăm Hoa", thế thôi.

Có lẽ, Tô Hoài là người trong cuộc duy nhất tính đến nay có hé ra đôi dòng hồi ức về hoạt động nói trên của Nguyễn Bính. Rải rác trong hai cuốn Cát bụi chân ai (1992) và Chiều chiều (1999), người đọc có thể nhặt được đôi chi tiết về Nguyễn Bính thời làm báo Trăm Hoa, *tất nhiên là được trình bày hoàn toàn theo cách nhìn của Tô Hoài, người kể chuyện*.

(Nguyễn Bính và tuần báo Trăm Hoa - Lại Nguyên Ân)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Đàn ông năm bẩy lá gan.
Lá ở cùng vợ lá toan cùng người.
Đàn bà tám chín tiếng cười.
Tiếng nào tiếng nấy chết mười đàn ông.

Người viết và truyện ngắn

Một trong những đặc điểm lý thú và đáng lưu ý của tập sách này là, các tác giả, ngoài việc chọn lựa tác phẩm ưng ý nhất của mình đưa vào tuyển tập, còn trình bày quan niệm của mình về nghệ thuật viết truyện ngắn.

Bàn về động lực thúc đẩy, Thanh Nam cho rằng đối với những người mới viết văn thì truyện ngắn "là một cái bẫy hấp dẫn vì hình như đa số người viết văn đã chọn thể văn đó trong những bước đầu. " Mai Thảo cũng đồng ý với nhận định này, "truyện ngắn là những bước chân thứ nhất đi vào văn chương," nhưng đồng thời nhấn mạnh "Mỗi truyện ngắn, như một đời người, phải tạo được cho nó một định mệnh riêng.". Nguyễn Quốc Trụ có một cái nhìn hơi

khác: “Truyện ngắn là một bài toán nhỏ về bút pháp,” một thứ “exercice de style,” tập vào nghề văn.

Với cái nhìn đó, dường như ba nhà văn này đều cho rằng, truyện ngắn là một thử nghiệm trước khi đi vào truyện dài. Thực ra, khá nhiều nhà văn đã viết hàng chục truyện ngắn rất thành công, nhưng lại chưa bao giờ viết truyện dài. Ở điểm này, tôi hoàn toàn đồng ý với Nguyễn Đức Sơn khi ông cho rằng: “Nếu truyện dài là một cái gì hoàn tất thì truyện ngắn cũng phải là một cái gì hoàn tất dù nó có mở rộng nhiều chân trời xa xôi.”.

So sánh giữa truyện ngắn và truyện dài, ngoài sự khác biệt mà ai cũng có thể nhận thấy ngay là: *truyện dài thì… dài và truyện ngắn thì… ngắn*.

(Trần Doãn Nho)

183 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

LTH: *Có một dư luậnngoài kia tố cáo Trần Mạnh Hảo là công thần của chế độ, chống đối vờ vịt.*

TMH: Tôi biết dư luận đó và mặc kệ nó, tôi chẳng hơi đâu mà cải chính. Đến như chị Dương Thu Hương chống cộng nhất nước kia mà một số vị hải ngoại còn cho là chống cộng cò mồi, huống là Trần Mạnh Hảo nhát hơn thỏ đế chẳng dám chống ai; việc họ đồn TMH "chống đối vờ vịt" có khi lại là chuyện hay cho tôi chăng ?

Ngay cả các ông nhà văn chống cộng có sừng có mỏ bên hải ngoại, vẫn còn bị các ông nhà văn chống cộng khác chụp mũ là "cộng sản nằm vùng" cơ mà !
Tôi chẳng chống báng ai cả, tôi chỉ nói lên sự thật. Tôi đâu có tham vọng làm chính trị, cũng chẳng thích tham gia phe này, phái nọ. Nghe một chữ phe=đảng là tôi đã hãi vãi…cả linh hồn ra rồi. Là người Việt Nam, tôi yêu nước mình bằng cách của mình, chẳng yêu nước hộ ai, dùm ai, yêu nước a dua, yêu nước có thưởng như phe này phái nọ. Có nhiều kẻ nhân danh đất nước để làm khổ đất nước, làm hại dân tộc nhiều lắm rồi ! Tôi nhận thức rằng kẻ làm chính trị (cả hai bên), hầu hết đều là những người ưa xàm tấu, ưa vu vạ, vu cáo, ngậm máu phun người, lấy mục đích (ảo tưởng) biện minh cho hành động (ma giáo). Kẻ làm chính trị nói chung đều gian dối. Trần Mạnh Hảo tôi là cứ dị ứng với những "cò chính trị" luôn luôn nhìn con người bằng con mắt lừa lọc, phe trên phái dưới kia.

Các vị giáo sư đầu ngành khoa nhân văn quả tình có tội rất lớn với dân tộc Việt Nam, đã *chính trị hoá toàn bộ khoa học nhân văn, góp phần dạy sai văn, dạy sai sử, dạy sai triết, dạy sai*…cả đạo đức, luân lý *cho phù hợp với tính đảng, tính giai cấp, là những thứ tính tiêu diệt hết tính khoa học của khoa học nhân văn…*

Các vị giáo sư này còn có một tội lớn là bán bằng bán cấp để có nhà, có xe, có tài sản như hiện nay, khiến nhiều vị *cán bộ cao cấp chưa hết trung học vẫn có bằng thạc sĩ, tiến sĩ.* Nền giáo dục xuống dốc tận cùng như hôm nay, lỗi tại cơ chế chính trị sai lạc đã đành, nhưng cũng lỗi bởi các vị giáo sư đầu ngành khoa học nhân văn này bảo hoàng hơn vua đấy. Mà "phe" của họ đông hơn kiến cỏ, còn Trần Mạnh Hảo trơ trụi có một mình. Lỡ đụng vào ổ kiến lửa thì phải chịu thôi.

(Trò chuyện với Trần Mạnh Hảo – Lê Thị Huệ)

Góp nhặt chữ nghĩa làng văn

Thiếu Chửu

Ông tu theo Phật giáo, lấy hiệu là Thiều Chửu, có nghĩa là “cái chổi quét bụi,” thể hiện tâm nguyện của mình là “cây chổi quét bụi ấy sẽ làm trong sáng qua ngòi bút cải cách của mình”. Ngoài ra, “hàng ngày phải lau quét bụi trần tham nhiễm, đừng để gương lòng vẩn đục bởi

phiền não vô minh che lấp". Ông là một cư sĩ, tu tại gia. Sau thời gian nghiên cứu Phật giáo, ông cho ra đời bản dịch Khóa hư lục, "bộ kinh cứu khổ cho đời" mà theo ông tác giả là vua Trần Nhân Tông, vị tổ Thiền phái Trúc Lâm.

Thiều Chửu để lại 93 tác phẩm viết và dịch. Ngoài bộ *Hán Việt tự điển* có giá trị vượt thời gian, ông còn dịch 14 bộ kinh căn bản của đạo Phật như *Kinh Di Đà, Thủy Sám, Địa Tạng, Kim Cương Bát Nhã, Viên Giác, Pháp Hoa, Dược Sư, Di Giáo, Lục Tổ Đàn Kinh, Khóa Hư, v…v….* Sách dịch khác: *Tây du ký*

Nhà văn Nguyên Ngọc viết về Thiều Chửu: "Ngày nay nhìn lại, thật đáng kinh ngạc về tư tưởng sâu sắc và mạnh mẽ của ông. Đó là một tư tưởng xã hội có tầm cao rất đáng để chúng ta chiêm nghiệm… Tính thời sự vẫn còn nguyên".

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Trèo lên cây bưởi hái hoa.
Bước xuống vườn cà phun thuốc trừ sâu.

Tố Như

Nhận được tin Nguyễn Du mất, người cháu ruột nhưng gần xấp xỉ về tuổi, vì thế từng cũng là tri kỷ tâm giao của ông là Nguyễn Hành đang ở Bắc thành thảng thốt khóc, thảng thốt "đặt vấn đề":
Thập cửu niên tiền *Tố Như* tử
Nhất thế tài hoa kim dĩ hĩ!
Ngô môn hậu phúc công xảo hoàn
Dịch lệ hà năng tốc công tử?..

(Mười chín năm về trước, Tố Như tử
đã là bậc tài hoa nhất đời, nay thế là hết!
Phúc dày của nhà ta, chú là người khéo vun đắp trở lại
Dịch lệ sao có thể làm chết chú nhanh vậy?...)

Nguyễn Hành dường có ý nghi ngờ: chú ông chết nhanh vậy là tại sao? Câu trả lời ít nhiều đã nằm trong những dòng thông tin nhắc tới ở trên. Rõ là bệnh nặng, bệnh nguy hiểm mà không chịu uống thuốc, thì không chết nhanh mới là điều lạ.

Nhưng ở xa, Nguyễn Hành đâu có biết rằng *Nguyễn Du không chịu uống thuốc*?

(Về cái chết của Nguyễn Du – Trần Ngọc Vượng)

Đù, đéo

Trong văn học , nhiều trong văn chương nổi đóa văng tục
Thôi về tiên Phật cho xong kiếp
Đù ỏa trần gian sống mãi chi
(Phạm Thái)

Thô tục đúng chỗ có sức mạnh riêng, bất nhã mà đắc địa có tính đa năng của nó:
Đéo mẹ nhân tình đã biết rồi
Nhạt như nước ốc, bạc như vôi
(Nguyễn Công Trứ)

Ngòi bút có bản lĩnh không kiêng sợ từ ngữ thô tục bất nhã:
Ba hồi chuông giục, *đù* cha kiếp
Một nhát gươm đưa, *đéo* mẹ đời
(Cao Bá Quát)

(Trần Văn Tích – báo Sài Gòn Nhỏ)

Góp nhặt chữ nghĩa làng văn

Cao Bá Quát và Đào Mộng Nam

Đặc biệt Đào Mộng Nam, nhà nghiên cứu Đông Phương ở hải ngoại về làng Phú Thị (Gia Lâm, Hà Nội) thăm quê hương Phú Thị và giới thiệu công trình của ông đã dịch trên *1.400 bài thơ* chữ Nho của Cao Bá Quát ra quốc ngữ. Ông phát hiện ra "thần lực" trong thơ Cao Bá Quát và từ khởi điểm này ông đang xây dựng một công trình văn hoá: "Nét đặc trưng văn hoá Việt Nam và khoa học hiện đại". Ông đã đánh giá rất cao Cao Bá Quát.

Ông có đọc cho các bạn ông nghe bài thơ "Nguyên Tiêu Khóc Cao Bá Quát " trong đó có 2 câu:
Vạn thuở văn chương còn chẳng nát
Muôn đời thần khí lẽ nào tan…

Thật sự là như thế. *Giấy rồi sẽ ra bụi, mực rồi sẽ phai mờ, nhưng văn chương không thể hư nát. Và thần khí lẽ nào tan*…

Khi bạn đọc những dòng chữ nay, tang lễ của Giaó sư Đaò Mộng Nam đã hoàn tất. Nhưng hình ảnh nhà thơ họ Đào vẫn còn đi lại quanh đây với chúng ta, còn thật lâu…
Phải chăng hình ảnh Đào Mộng Nam thương khóc Cao Bá Quát cũng là một cái nhìn tiên tri về chính cuộc đời của nhà thơ Đào Mộng Nam – người cũng y hệt như họ Cao, "suốt đời chỉ cúi đầu chào hoa mai" như một dòng thơ cổ lưu lại của họ Cao.

Câu đối khóc mướn

Cả mấy thầy nho đi gặp một đám tang, chủ nhà mời dừng chân để xin câu đối. Không hề quen biết, cũng chưa rõ tình hình cụ thể thế nào, không ai nghĩ ra viết câu đối sao cho hợp. Một nho sĩ cùng đi trong đám ấy, xin giấy bút viết ngay:
Thấy xe thiện cổ xịch đưa ra, không thân thích lẽ đâu khóc mướn.
Tưởng sự bách niên đừng nghĩ lại, động can tràng nên phải thương cay.

Các nhà khoa bảng ở đám tang hết sức phục đôi câu đối tài tình. Có người đoán ra ngay: - Cứ giọng văn lưu loát và tình cảm phóng khoáng này thì tác giả chắc chắn là Cao Bá Quát. Họ chèo kéo đám nho sĩ để hỏi han, thì quả nhiên đúng như vậy.

Một số truyền thuyết sai lầm về Cao Bá Quát

Cũng như nhiều danh nhân khác, Cao Bá Quát đã bị người đời gán ghép cho những chuyện xét ra phần lớn là ngụy tạo, ngay tiểu sử của ông cũng không minh bạch.

1- Cao Bá Quát sinh năm nào ?

Cao Bá Quát là dân ngụ cư ở Thăng Long nhưng quê ở làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, Kinh Bắc (Bắc Ninh), cách Hà Nội 17 cây số về phía đông.

Nhiều sách viết về Cao Bá Quát đánh dấu hỏi khi đề cập đến năm sinh của ông, có người phỏng đoán ông sinh năm 1800 nhưng không cho biết dựa vào đâu. *Sở Cuồng, Lãng Nhân đều nói ông đỗ Cử nhân năm 14 tuổi*. Ai cũng biết ông đỗ khoa 1831, vậy ông sinh năm 1831 - 14 = 1817 ?

Song nếu căn cứ vào bài "Thiên cư thuyết" (Câu chuyện dời nhà) của ông ta có thể tính ra được khá chính xác nhờ hai câu trong bài :"Mùa thu năm ngoái, sau khi chiếm được tên trên bảng, định dời nhà đi nơi khác..." và "Tuổi ta mới ngoài hai kỷ mà núi sông thành quách cũ đã

thay đổi ba lần...". Cao Bá Quát "chiếm được tên trên vảng" năm 1831, vậy thì bài "Thiên cư..." được viết vào năm sau tức là 1831+1 = 1832. Lúc ấy Cao Bá Quát "mới ngoài hai kỷ", mỗi kỷ là 12 năm, "ngoài hai kỷ" tức là 2 x 12 = ngoài 24 tuổi. Vậy thì Cao Bá Quát sinh vào khoảng :
1832 - 24 = 1808

Tôi nói "vào khoảng" vì hai chữ "mới ngoài" không cho biết đích xác là bao nhiêu năm, thứ nhất thời xưa tính theo âm lịch nên cuối năm âm có thể lấn sang đầu năm dương lịch. Dù sao thì năm sinh của Cao cũng không thể là 1800 hay 1817.
Hiện nay năm 1808 được coi là năm sinh của Cao, Hà Nội vừa làm lễ kỷ niệm 200 năm sinh của Cao Bá Quát (1808-2008).

(Nguyễn Thị Chân Quỳnh)

Tiến sĩ vinh quy

Đám rước tiến sĩ vinh quy bái tổ được tổ chức long trọng. Nơi thì:
Chồng tôi cưỡi ngựa vinh quy
Hai bên có lính hầu đi dẹp đường
Tôi ra đón tận gốc bàng
Chồng tôi xuống ngựa, cả làng ra xem
(Nguyễn Bính, *Thời trước*)

Không hiểu vì sao vợ quan Nghè chỉ đứng đón chồng dưới gốc bàng đầu làng chứ không tham dự vào đám rước?
Một đám rước khác vui vẻ, đằm thắm hơn:
Nghi vệ dàn ở bên đường
Ngựa anh đi trước, võng nàng theo sau

Ông tiến sĩ cưỡi ngựa đi trước, bà vợ ngồi võng theo sau. Có mình có ta.
Đám rước của Chu Thiên (*Bút nghiên*) không có ngựa, chỉ dùng *võng*. *Võng của thầy học đi trước, tiếp theo là võng cha, võng mẹ* rồi mới đến *Võng anh đi trước, võng nàng theo sau*.
Đám rước của Ngô Tất Tố (*Lều chõng*) tuy cũng toàn dùng võng, nhưng lại được sắp xếp theo thứ tự: *võng quan Nghè đi trước, rồi đến võng vợ quan Nghè, võng cố ông, võng cố bà.*

(Nguyễn Dư)

Chữ nghĩa làng văn

Vua Minh Mạng nhà Nguyễn có 142 người con. Để tránh rắc rối cho đời sau, ông có sáng kiến làm một bài thơ 20 chữ (Miên Hồng Ưng Bửu Vĩnh...Thế Thuỵ Quốc Gia Xương), mỗi chữ sẽ được dùng làm tên đệm cho một thế hệ con trai.
Chỉ những người *có tên đệm kiểu này* mới thuộc dòng chính thống, mới có thể *được lên làm vua*.

Sẵn hứng, ông làm thêm 10 bài thơ khác cho 10 anh em của ông.
Được vài đời, có người cách tân, dùng luôn *chữ đệm thay cho họ.*
Từ đây, xảy ra trường hợp *cha và con mang họ khác nhau*.

(Nguyễn Dư)

Thành ngữ tục ngữ

Nhăn như bà cốt uống thuốc

Bà cốt là người đàn bà làm nghề đồng bóng. Bọn đồng bóng lúc nào cũng tự nhận là con thần

cháu thánh, có phù phép đuổi tà, trị bịnh... cho người khác. Đến khi chính mình bị bịnh thì chẳng thấy ông đồng bà cốt nào đuổi được tà, chữa được bịnh.
Các ông, các bà cũng phải uống thuốc, mặt mày nhăn nhó như mọi người.
Vạch mặt bọn kiếm ăn bằng lừa dối, bằng mê tín dị đoan.

(Nguyễn Dư)

Nhớ Sài Gòn, chốn cũ đường xưa
Tân Định & Đa Kao những ngày xưa cũ

Đường Phan Kế Bính có Hội Văn hoá Bình dân. Đường Mạc Đĩnh Chi với nhà hàng Trường Cang, Hội Việt Mỹ và Ty Cảnh sát Quận 1, đường Trần Cao Vân, Phan Tôn, Phan Ngữ, đường Phùng Khắc Khoan với tư gia Đại Sứ Hoa Kỳ. Đường này cũng là một con đường đẹp, có nhiều lá me bay của Sài Gòn.

Cuối cùng trở về khu *Tân Định*. Xin chỉ ghi ra những con đường không bị đổi tên là: *Nguyễn Văn Mai* nối hai đầu đường Hai Bà Trưng và đường Huỳnh Tịnh Của. Một đường nữa là *Đinh Công Tráng*, với món bánh xèo nổi tiếng, trường Tân Thịnh, và tiệm chụp hình Duy Hy. Ngay góc Hai Bà Trưng và Đinh Công Tráng là tiệm thuốc Kính Tiên. Phía đối diện là trường Thiên Phước, nhà thờ Tân Định và cách nhà thờ Tân Định khoảng hơn mười thước là cà phê Thu Hương danh tiếng một thời.

Ngoài ra, cũng xin kể thêm đường *Pasteur*. Nơi đây có nhiều tiệm phở, có quán cà phê Hồng và có viện Pasteur, chiếm một chu vi rất rộng, có bốn con đường bao quanh, với những cây cổ thụ to đến nỗi năm, sáu người ôm vẫn không xuể. Ngay ngã ba Nguyễn Đình Chiểu và Pasteur, có một cái mả đá rất lớn được xây bằng đá ong đã bị giải tỏa, nhìn đối diện là trường ngõ hẻm vô trường Anh Văn Khải Minh.

Xin phép được dừng ở đây. Hy vọng các bạn đã tìm lại *được một chút hương xưa của ngày tháng cũ năm nào…* Một lần nữa Tân Định & Đa Kao mãi mãi trong tiềm thức của chúng ta..

(Trần Đình Phước)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Mới đây, lại có thêm một cuốn từ điển với cách giải nghĩa từ ngữ… giật mình, đó là cuốn "Từ điển tiếng Việt" do NXB Bách khoa Hà Nội biên soạn có những định nghĩa gây choáng váng, chẳng hạn như:

"nữ tướng" là *"đàn bà làm tướng"*

Xuê

Xuể : *làm nổi việc gì*
(làm không *xuể* - nói chẳng *xuê*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

"sử: *sử* nữ. → không viết: *xử***".** (Nguyễn Văn Khang)

Viết 'xử" mới đúng, vì "xử nữ" 處女 mới có nghĩa là "*người con gái còn ở nhà với bố mẹ, chưa đi lấy chồng."* (*Việt Nam tự điển-Hội Khai trí Tiến đức).*

(Hòang Tuấn Công)

Chữ Việt cổ

Do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại…

Lép đép: *lâu đời lắm*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

"sử: *sử* tử. → không viết: *xử".* (Gs Nguyễn Văn Khang)

Viết "xử" 處 mới đúng. Vì "xử tử" 處死 nghĩa là xử tội chết, thi hành án tử hình. *Hán ngữ đại từ điển*: "xử tử: xử tử hình.

(Hòang Tuấn Công)

Cấu tạo câu đố

Thơ bốn chữ với câu đố bốn chữ vần với nhau. Thường *chữ cuối câu trên* vần với *chữ thứ hai câu dưới.*
- Không sơn mà *đỏ* (mặt trời)
- Không *gõ* mà *kêu* (sấm)
- Không *khều* mà rụng (mưa).

(Câu đố **-** Thanh Lãng)

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

"sử: tình sử, xét *sử.* → không viết: *xử*". (Gs Nguyễn Văn Khang)

Phải viết "xử" trong "xét xử" mới đúng. Trong tiếng Việt không có khái niệm "xét *sử*".

(Hòang Tuấn Công)

Sống trên đời…

Nguồn câu thành ngữ *"sống trên đời ăn miếng dồi chó, chết xuống âm phủ còn có hay không"* từ câu ca dao:
Sống được miếng dồi chó
Chết được bó vàng tâm
Sống không ăn miếng dồi chó
Chết xuống âm phủ không có mà ăn

(Khải-Chính Phạm Kim-Thư - báo Tự Do)

Kẻ

Người Việt cổ sống nhờ nông nghiệp, săn bắn, hái lượm. Sau đó đưa sản phẩm đến một mảnh đất, chỗ có người ở để trao đổi.
Gọi theo tiếng Hán là *"Kỳ".*
Sau gọi là *Kẻ*, có nghĩa là *làng.* Như kẻ Mọc (làng Mọc), kẻ Noi (làng Cổ Nhuế), kẻ Mơ (làng Hoàng Mai, Thanh Mai, Bạch Mai).

Từ *"kẻ"* thường chỉ dùng trong ngôn ngữ dân gian, khi đặt tên theo đơn vị hành chánh, các làng này thường được phiên âm bằng từ Hán: Cổ, Khả (Kẻ Lủ = Cổ Loa, Kẻ Lao = Khả Lao, Kẻ Bôn = Cổ Bôn).
Sau này có tiền tệ, *"kẻ" trở thành nơi mua bán*, và dần dà *được gọi là "chợ".* Theo thời gian tồn tại phát triển được gọi là *"phường"* rồi đến *"phố".*

Từ *kẻ* được mở rộng phạm vi, dùng để chỉ một địa bàn rộng hơn. Ví dụ: Kẻ Quảng (chỉ Quảng Nam, Quảng Ngãi), Kẻ Vĩnh (chỉ thành phố Vinh). Do vậy ở miền Bắc có tên xưa cũ *Kẻ Chợ* (chỉ Thăng Long) để phân biệt với Kẻ Sặt, Kẻ Lủ ở vùng quê

Thuở mơ làm văn sĩ

Thời gian này tôi quen và thích đọc những truyện ngắn của Duyên Anh, nhất là những truyện viết về tuổi thơ, không biết có phải phản ảnh chính tuổi thơ của Duyên Anh hay không ? Sao nó bất hạnh và gian truân và mộng mơ đến thế: Dưới giàn hoa thiên lý ; Con sáo của em tôi.

Duyên Anh đã có vợ và con, vợ anh là con nhà đại dịa chủ ở Long Xuyên. Anh là Bắc Kỳ di cư, người xứ Thái Bình. Tôi thấy trong truyện của anh nhắc đến cầu Bo ở Thái Bình hơi nhiều và trận chết đói năm Ất Dậu 1945, người xứ anh là nạn nhân chính trong vụ chết đói ấy. Anh tuổi hợi, nghĩa là hơn tôi ba tuổi, nhưng cũng dễ thông cảm nhau. Anh hay đến nhà in Nguuyễn Đình Vượng in sách báo gì đó trong bộ quần áo xanh cán bộ TNCH trên chiếc vespa Italic. Con người lúc náo cũng bảnh bao, mặt trắng và chải tóc mướt. Chúng tôi dễ thân nhau và cũng dễ mày tao chi tớ loan cào cào những lúc ngồi với nhau uống ly cà phê. Khi anh mua cho tôi khúc bánh mì thât dài thật to:
- Mày phải ăn thế này mới đủ được, thằng du đãng Trâu Nước.
- Nhưng....
- Không nhưng nhị gì hết, mày biết tao có vợ giầu mà, ở nhà vợ tao xào cho tao nguyên một chảo tim gan phèo phổi, ngày nào cũng vậy, tao ngán lên tận cổ, trong khi chúng mày lại thiếu thốn cả miếng ăn no bụng....

Con người Duyên Anh Vũ Mộng Long như vậy, pha chất kiêu, tếu khi nói chuyện, nên rất bị ngộ nhận. Điều đó tồn tại mãi trong anh cho đến khi anh qua đời. Cái tính huênh hoang không thay đổi và bất cần cải chính có lẽ vì thế đã hại anh. tìm môt con người đích thực ở Duuyên Anh là chuyện khó chứ không phải dễ. Nhưng mấy ai có thân tình và thì giờ để ngồi phân tích một con người.

Tôi còn nhớ hai mươi mấy năm sau, sau khi đi học tập cải tạo về. Vợ con anh sau đó được bảo lãnh ra nước ngoài đi trước. Duyên Anh gặp tôi ngồi ăn với nhau một bữa ban đêm ở chợ Thái Bình, trước nhà in Nguyễn Đình Vượng xưa.

Lần đó là lần cuối cùng tôi gặp Duuyên Anh, cho đến lúc anh qua đời, qua tin trên đài phát thanh ngoại quốc. Thế là tôi lại mất thêm một người bạn nữa ở nơi xa xôi...Tôi thắp cho anh một nén nhang sau khi nghe tin, hôm đó là một ngày giáp tết nguyên đán.

(Nguyễn Thụy Long)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Học đi đôi với hành, hành đi đôi với tỏi

Sách cũ miền Nam 1954 -1975

Và cái người bất hạnh nhất, tiêu biểu nhất có lẽ là nhà văn *Nguyễn Thụy Long* mà người ta quen gọi là nhà văn **Loan mắt nhung**. Sau 1975, ông lê kiếp số phận nhà văn như một con chó đói, một loài chuột chui nhúc để kiếm sống.

Hãy nghe ông kể:

* Tôi về sống với mẹ già ở Ấp Đông Ba Gia Định sau ngày * giải phóng*, bên này Cầu Bông, sau khi bị phía nhà vợ thuộc gia đình cách mạng đuổi ra khỏi nhà... Tôi ngậm đắng nuốt cay bước ra khỏi nhà sau khi bị vu bao nhiêu là thứ tội, *kể cả tội ăn cắp tài sản của chính mình,* suốt nhiều năm cầm bút tạo thành... Mất nhà, mất vợ chẳng nói làm gì, vì đã cạn tầu ráo máng rồi, nhưng mất con tôi mới đau.*
Sau này, theo Trần Ngọc Ninh viết lại trên tờ Khởi Hành, tháng 9-2005, ông từ chối không cho nhà xuất bản sửa dù một chữ những tác phẩm của ông *:* Tôi còn gì để mất ngoài liêm sỉ, thà chết đói chứ tôi không sửa văn tôi viết trước kia được*.*

Chính ông cũng kể lại về trường hợp có nhà xuất bản cho người đến đề nghị in lại cuốn *Kinh nước đen* với điều kiện nó phải được sửa chữa lại. Ông đã từ chối không chịu. Nay thì tờ Khởi Hành đang tiến hành giải văn chương năm nay dành cho ông. Thực tế trước mắt là ông sẽ nhận được một số tiền để sinh sống ra khỏi kiếp chó đọa đầy.

(Nguyễn Văn Lục)

184 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Đúng là tôi có duyên với *Văn*, và qua đó, với Trần Phong Giao!
Với truyện ngắn *Dấu tích đời*, tôi bắt đầu được anh xếp vào hàng ngũ "Những cây bút trẻ", nhóm từ mà cho đến bây giờ nghe lại, vẫn cảm thấy nao lòng, vì nó nhắc nhở đến những buồn vui thời tuổi trẻ. Nếu không có sự quan tâm của anh, có lẽ nó sẽ không được đăng. Sau đó, thì hầu như truyện nào tôi gửi cho *Văn* cũng được "qua cầu". Và (tôi nghĩ, biết đâu) nhờ có mặt trên *Văn*, truyện và các bài viết khác của tôi cũng đã dễ dàng xuất hiện trên một số báo văn học khác như *Vấn Đề, Bách Khoa, Khởi Hành* và cả tạp chí *Đối Diện*. Tóm lại, *Dấu tích đời*, hiểu theo một nghĩa nào đó, thì như một cái vé vào cửa "văn giới" đối với tôi.

Năm 1969, trong thời gian đi học và đi làm ở Sài Gòn, ở trọ trên đường Phát Diệm – cách tòa soạn *Văn* không xa, khoảng chừng hơn cây số, lại nằm trên đường đi về hàng ngày -, tôi nhiều lần ghé thăm Trần Phong Giao. Như nhiều bạn văn đã đề cập, kinh nghiệm lần đầu gặp ông thư ký tòa soạn này là một kinh nghiệm khó quên: một con người *khô khan, lạnh lùng*, nếu không nói là …bất lịch sự, trái hẳn với những lời nhắn tin đầy "tình thân" trên *Văn* hay trong những lá thư gửi riêng cho người viết.

Bước vào tòa soạn – thực ra, chỉ là một cái phòng nhỏ nằm sát lề đường, bề bộn giấy tờ, sách báo -tôi gặp một người đàn ông đang chăm chú nhìn lên cái bàn máy chữ nhỏ, gõ lọc cọc. Nghe tiếng tôi chào, người đàn ông vẫn cắm cúi làm việc, dường như chẳng hề biết có người đang đứng sát bên. Khi nghe tôi hỏi xin được gặp ông thư ký tòa soạn, thì người đàn ông đáp, trong lúc vẫn không rời bàn máy chữ "Cậu cần gặp có việc gì?". Tôi nói tên, tưởng là ông sẽ ngừng đánh máy, quay đầu lui, chào hỏi, nhưng không, ông chỉ nói: "Thế à!" một cách dửng dưng và…vẫn tiếp tục làm việc. Chán nản và bối rối, tôi chào ra về. Lúc này, ông ta mới ngẩng mặt lên nói: "Khi nào rảnh, nhớ ghé chơi".

Bực thì bực, nhưng vẫn ghé. Dần dà rồi cũng quen thân. Biết tính anh, tôi chỉ ghé khi nào thật cần và thường là vào buổi chiều khi anh sắp nghỉ việc. Thỉnh thoảng, ít việc, anh rủ tôi ra chợ Thái Bình uống nước, chuyện gẫu. Có lần anh rủ tôi về căn nhà nhỏ ở dưới chân cầu Kiệu, đường Hai Bà Trưng để uống rượu.
Tóm lại, *một Trần Phong Giao hoàn toàn khác*.

(Một chút Trần Phong Giao – Trần Hữu Thục)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Đau đầu vì tiền,…điên đầu vì tình.

Người viết và truyện ngắn

Nguyễn Xuân Hoàng khẳng định: “Truyện ngắn phải là một truyện ngắn, không phải là một đoạn nào đó trong một truyện dài.”. Thanh Nam cụ thể hơn khi cho rằng truyện ngắn “không thể là một thứ truyện dài rút gọn hoặc một thứ lấy ra từ những đoạn rời của một truyện dài.”. Nguyễn Thị Hoàng nhấn mạnh thêm: “Truyện ngắn là một thứ truyện không phải bị rút ngắn từ một truyện đáng lẽ phải dài và ngược lại cũng không thể, muốn trở thành một truyện dài, cứ viết kéo dài hay triển khai thêm.”. Mặt khác, theo Nguyễn Thụy Long: “Truyện dài và truyện ngắn thuộc hai lãnh vực khác hẳn nhau. Mỗi loại có nghệ thuật riêng của nó.”

So sánh giữa hai thể loại, Nguyễn Đức Sơn đưa ra một ví von: “Nếu truyện dài là một chuỗi ngọc thì truyện ngắn ít ra cũng phải là một hạt minh châu.”. Dương Nghiễm Mậu và Nguyễn Tất Nhiên đều cho rằng một truyện ngắn không bao giờ là trích đoạn của một truyện dài thành công. Trong lúc đó, Du Tử Lê đưa ra một hình ảnh cụ thể khi so sánh truyện dài và truyện ngắn. Theo ông, nếu xem truyện dài là toàn thể một khuôn mặt, thì “Truyện ngắn là cái phần tiêu biểu đặc sắc nhất của khuôn mặt đó.”.

Thanh Tâm Tuyền phát biểu dứt khoát và cô đọng: *“Truyện ngắn là truyện không thể nào viết dài.”* Mặc dù cách nói của nhà thơ này có vẻ như “huề vốn,” nhưng nó lại nói lên yếu tính của truyện ngắn. *Một truyện ngắn hay đúng nghĩa phải là một truyện ngắn* mà tác giả có muốn viết dài hơn cũng không được. Ngắn, nhưng là một chỉnh thể: *không thể thêm, không thể bớt*.

(Trần Doãn Nho)

Mạn đàm về người Man di hiện đại

Sau cái chết của *Người Man di hiện đại – Nguyễn Văn Vĩnh*, chưa phải hết chuyện!

Nguyễn Văn Vĩnh có biệt hiệu là Tân Nam Tử,
tự gọi mình là “Người Man di hiện đại”.

Ông sinh ngày 15/6/1882 tại làng Phượng Vũ, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông.
Mất ngày 2/5/1936, gần Tchépone, ở bên Lào.

Vì theo tác giả Nguyễn thị Minh Thái viết dưới đây thì:
"Nguyễn Văn Vĩnh là tác giả của nhiều bài báo viết về các vấn đề văn hóa và lịch sử VN, ông cũng đóng góp tích cực công tác truyền bá văn hóa Pháp vào VN thông qua việc dịch nhiều kiệt tác của các tác giả Pháp như Molière, Victor Hugo, Balzac, Alexandre Dumas và La Fontaine. Thông qua các bài báo và công trình dịch thuật của mình...". Để được nhìn nhận như ngày nay, Nguyễn Văn Vĩnh và gia đình trong vài chục năm đã chịu không ít bi kịch bị hiểu lầm và đánh giá sai lệch. Gia đình ông đau buồn, tủi hổ vì bị người đời coi khinh, là con cháu của Nguyễn Văn Vĩnh, "bồi bút", "tay sai" thực dân Pháp.

Giáo sư sử học Phan Huy Lê cũng đồng tình *Người Man di hiện đại – Nguyễn Văn Vĩnh* là một trong những nhà tư tưởng khai sáng ở Việt Nam gắn liền với văn học, văn hóa, báo chí, chữ quốc ngữ...Chưa vội tính đến những đóng góp của Nguyễn Văn Vĩnh trên lĩnh vực báo chí, dịch thuật, văn học, chỉ cần thấy những nỗ lực truyền bá học chữ quốc ngữ, lý ra một người học xong tiểu học hôm nay cũng đã phải biết Nguyễn Văn Vĩnh là ai.

Ấy vậy mà, vì nhiều lý do, tên tuổi và sự nghiệp của Nguyễn Văn Vĩnh chưa được nhìn nhận, đánh giá một cách xứng đáng. Dĩ nhiên, không cứ "biết" đã là "hiểu", là nhận chân được các giá trị mà Nguyễn Văn Vĩnh để lại

(Nguyễn thị Minh Thái)

Tướng mạo con người qua ca dao, dân ca

Mặt dài tuy nhỏ: vui chơi
Tai to mặt ngắn: chịu lời đắng cay

Giai thoại làng văn

Khoảng năm 1972, Lãng Nhân Phùng Tất Đắc đã viết một bài dài về nghề làm báo thời tiền chiến: "Sở dĩ tôi ham làm báo là vì từ trước vẫn nghe nói chuyện về những thiên tài *Nguyễn Văn Vĩnh*, Phạm Quỳnh và đức cần cù của Trần Trọng Kim, nên muốn được học hỏi nơi các "thần tượng" ấy.

Nguyễn Văn Vĩnh thật có thiên tài… hồi ông dịch tiểu thuyết Pháp, buổi trưa sau bữa cơm, ông nằm trên ghế dài, *hai bên hai người ngồi chép,* ông dịch một lúc hai bộ tiểu thuyết, cứ *đọc một câu cho bên phải lại quay đọc một câu cho bên trái.*

(Viết văn làm báo thời xa xưa - Phùng Tất Đắc)

Góp nhặt chữ nghĩa làng văn

Lan Khai - Nghệ sĩ tài năng bị lãng quên?

Lan Khai (24/6 năm 1906 – 1945) tên thật: Nguyễn Đình Khải, là một nhà văn thời tiền chiến. Trong lịch sử văn học hiện đại trước năm 1945, ông được xem là một cây bút sung mãn, một nhà văn "đường rừng" sáng giá. Dù ở thể loại nào ngòi bút của ông vẫn thuyết phục được cảm tình và lý tính của độc giả. Đặc sắc nhất vẫn là ở lĩnh vực sáng tác hiện thực về đời sống miền núi.

Lan Khai sinh tại xã Vĩnh Lộc, châu Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Thuở nhỏ, Lan Khai sống gần gũi với các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Cao Lan, Hà Nhì...Năm 12 tuổi (1918), ông bắt đầu tập làm thơ, viết văn và sớm bộc lộ năng khiếu hội họa. Năm 18 tuổi (1924), ông về Hà Nội theo học trường Bưởi, nhưng học chưa hết hai năm, ông trở lại Tuyên Quang, dạy học, dịch sách và viết văn. Năm 1938, ông bắt đầu viết cho Tiểu thuyết thứ Bảy và sau đó ông cùng với Lê Văn Trương, trở thành hai cây bút cột trụ của nhà xuất bản Tân Dân.

Năm 1939, ông làm tổng thư ký tạp chí Tao Đàn của nhà xuất bản Tân Dân, đồng thời, còn cộng tác với các báo: Loa, Ngọ báo, Đông Tây, Tiểu thuyết thứ Bảy, Phổ thông bán nguyệt san... Bút danh "Lan Khai" này là do ông thích hoa lan, nhất là trong khi nở. Bút danh này cũng đã ám vào thân phận ông. Ngắn ngủi, ẩn dật, không xô bồ nhưng tinh khiết và đẹp đẽ đến vô ngần.

Trong một ngày gần cuối năm 1945, *Lan Khai bị một nhóm người khác phe phái thủ tiêu tại Tuyên Quang.*

(Phạm Vũ)

Đừng tưởng

Đừng tưởng vua là anh minh..
Nhiều thằng khốn nạn, dân tình lầm than.

(Bùi Giáng)

Vài nét về nhà nghiên cứu Lại Nguyên Ân

Trong hơn 40 năm hoạt động văn học, Lại Nguyên Ân nổi lên trong tư cách nhà nghiên cứu, phê bình văn học, biên dịch chuyên nghiệp. Ông cầm bút viết phê bình, tiểu luận
Tên thật cũng là bút danh: Lại Nguyên Ân, sinh ngày 18-1-1945, quê làng Phú Đạm, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Tốt nghiệp khoa Ngữ văn trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Sau đó

dậy học ở Ba Vì, Hà Tây Rồi chuyển về Hà Nội làm biên tập viên Lý luận Phê bình văn học cho đến khi nghỉ hưu.

Các tập tiểu luận phê bình của ông được xuất bản: *Văn học và phê bình* (1984); *Sống với văn học cùng thời* (1998); *Đọc lại người trước, đọc lại người xưa* (1998); *Mênh mông chật chội* (2009)…Gắn bó với đời sống văn học đương thời, ông xông xáo nhập cuộc, có tiếng nói kịp thời góp bàn từ góc độ học thuật và thực tiễn về một số vấn đề lý luận văn học đang đặt ra cho sáng tác văn xuôi và thơ trong và sau chiến tranh.

Ông hào hứng phê bình những tác phẩm mới xuất bản của các nhà văn, nhà nghiên cứu phê bình thành danh trước đây *cần được đánh giá lại dưới góc nhìn đổi mới*. Xa lạ với *kiểu viết tư biện, kinh viện, ham trích dẫn sách vở này nọ*, ông *có lối viết thoáng hoạt, tự nhiên, bàn thẳng vào vấn đề đặt ra, gợi mở sự đối thoại* cùng đồng nghiệp trong làng văn.

(Nguyễn Ngọc Thiện)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Thú vui tao nhã, giặt tã cho con.

Chữ nghĩa làng văn

Theo hồi ức của Tô Hoài: “không biết ai đã giúp tiền cho Nguyễn Bính ra những số báo Trăm Hoa đầu tiên”, thế rồi “cấp trên” của Tô Hoài “có sáng kiến lấy giấy và tiền nhà xuất bản giúp Trăm Hoa” (khi đó Tô Hoài làm việc ở Nhà xuất bản Văn Nghệ), và chính Tô Hoài được giao nhiệm vụ “thuyết phục một tờ báo tư nhân nhưng có tiếng nói chống những luận điệu ngang ngược của báo Nhân Văn”. Theo Tô Hoài, do sự can thiệp này, “tờ Trăm Hoa rõ ra một vẻ khác. Không về bè với Nhân Văn, như chẳng đi với ai”. Cấp trên của Tô Hoài nhận xét từng số từng bài, “cho là chưa đủ hơi sức hỗ trợ cần thiết”.

Tô Hoài đem nhận xét ấy bàn lại với Nguyễn Bính. Nguyễn Bính bảo Tô Hoài: “Trăm Hoa phải thế mới là báo của Nguyễn Bính chứ. Nếu không thì mày làm quách cho xong!”. Sáng kiến “đầu tư” cho Trăm Hoa kết thúc ở đấy. Một buổi tối, Nguyễn Bính rủ Tô Hoài đến ăn ở nhà hàng Lục Quốc. Nguyễn Bính bảo: “Hôm nay ăn cỗ đám ma Trăm Hoa!” (Tô Hoài, Cát bụi chân ai, Hà Nội: Nxb Hội Nhà Văn, 1992, tr.56).

Phải chăng sự việc Nguyễn Bính với tờ Trăm Hoa như trên đã dẫn tới những sự việc tiếp theo:
Do “không về bè với Nhân Văn” nên Nguyễn Bính đã không trở thành đối tượng phê phán trong vụ Nhân Văn-Giai Phẩm; tuy vậy, do tỏ ra “chưa đủ hơi sức hỗ trợ cần thiết” trước yêu cầu “chống những luận điệu ngang ngược của báo Nhân Văn” nên tựu trung Nguyễn Bính vẫn bị đẩy khỏi Hà Nội, tức là vẫn bị trừng phạt, nhưng hình thức trừng phạt nhẹ hơn?

Tô Hoài cho rằng chỉ là giai thoại (lời đồn đại chứ không phải sự thật) những chuyện “Nguyễn Bính bị đầy phải xuống xin việc dưới quê, Nguyễn Bính chỉ được biên tập ca dao hò vè”. Theo Tô Hoài thì giản dị là “Nguyễn Bính về Nam Định rồi quyết định ở hẳn dưới ấy chỉ vì Nguyễn Bính đã sắp nên vợ nên chồng với cô hàng cà phê thành Nam. Nguyễn Bính đã bỏ không ở nhà xuất bản Hội Nhà Văn với tôi (tức Tô Hoài) để xin ra làm báo Trăm Hoa. Khi Trăm Hoa hết tiền phải đình bản, Nguyễn Bính không còn ở biên chế nào thì Hội Nhà Văn đã giới thiệu Nguyễn Bính về Nam Định”; “thời kỳ ở Nam Định, Nguyễn Bính đã in nhiều sách trên nhà xuất bản Phổ Thông ở Hà Nội. Trường ca Tiếng trống đêm xuân, lại vở chèo Cô Son đương công diễn.

Mỗi lần lên lấy nhuận bút kha khá, tôi được Nguyễn Bính và Trúc Đường rủ đi đánh chén” (Tô Hoài, Chiều Chiều, Hà Nội: Nxb Hội Nhà Văn, 1999, tr.228).

(Nguyễn Bính và tuần báo Trăm Hoa - Lại Nguyên Ân)

Lá diêu bông - 1

Ảo thanh?

Theo Hòang Cầm: "Đặc biệt, riêng có bài thơ *Lá diêu bông*, duy nhất một bài này là những lời văng vẳng bên tai, từ đầu chí cuối, quá nửa đêm mùa rét 1959, trên giường ngủ, trong ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn ngủ 6 oát, bên cạnh người vợ đang ngủ ngon và các con những giường bên đang ngủ say (...).
Giọng nữ vẫn đọc, không vội vàng mà cũng không quá chậm, và tôi ghi lia lịa trong bóng tối mờ.

Đến lúc giọng nữ im hẳn, lòng tôi nhẹ bẫng, tôi ngủ thiếp đi. Sớm hôm sau nhìn lại thì có chỗ rõ, đọc được, nhiều chỗ dòng nọ đè lên dòng kia, chữ nọ như xoá mất chữ khác. Phải mất gần nửa tiếng đồng hồ, tôi mới tách được ra theo thứ tự đúng như những lời người nữ kỳ diệu nào đó đã đọc cho tôi viết nửa đêm qua".

(Phanxipăng)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Em ơi buồn làm chi.
Anh đưa em về *sông Đuống*.
Ngày xưa cát trắng phẳng lỳ.
Giờ đây cát trắng đen xì em ơi.

Lá diêu bông - 2

Ảo thanh?

Ở những trường hợp ấy, *tôi không hề cấu tứ, nghĩ ngợi gì về câu, chữ, không theo một luật nào của thi pháp về thanh điệu, ngữ điệu gì gì hết*. Tôi chỉ tuân theo nhịp rung động của toàn thân, cả tâm hồn và thể chất, khí chất.
Bài *Lá diêu bông* ra đời như vậy, *nói có người không tin, nhưng tôi nghĩ bây giờ khoa tâm thần học, vô thức luận, tâm linh học có thể lý giải được hiện tượng đó một cách rất khoa học.*

Vậy nên, cái *lá diêu bông* là cái lá gì, ở đâu, nào tôi có biết. Thần linh đọc *diêu bông*, tôi chép *diêu bông*, thế thôi".

(Phanxipăng)

Câu đối đề nhà học

Trước khi khởi nghĩa, Cao Bá Quát được triều đình nhà Nguyễn đưa đi làm giáo thụ ở Quốc Oai, vùng đất thuộc Sơn Tây, xa chốn kinh đô, thành thị. Học trò ít, cảnh sinh hoạt tiêu điều. Ông đã viết đôi câu đối dán ngoài nhà học:
Nhà trống năm ba gian, một thầy, một cô, một chó cái
Học trò dăm bảy đứa, nửa người, nửa ngợm, nửa đười ươi (*)

(*) Câu đối này có người cho là của Ông ích Khiêm.

Một số truyền thuyết sai lầm về Cao Bá Quát

Tên tự và tên hiệu

Cụ thân sinh ra hai ông tên là Cao văn Chiếu (Chiến ?) vốn là một cụ đồ nho, đã đặt tên các con theo một điển tích trong *Luận Ngữ* : "Lúc triều đại nhà Chu mới lập, có nhiều hiền tài giúp.

Như Bá Đạt-Bá Quát, v…v.... Cụ Đồ Cao đặt tên hai con là Bá Đạt, Bá Quát ngụ ý mong cả hai sau này cùng thành những bậc hiền tài, giúp vua trị nước. Tên *Chu Thần* (bầy tôi nhà Chu) của Cao Bá Quát cùng chung một ý ấy.

Ông có tới ba tên khác nhau vừa là tên tự vừa là tên hiệu : *Chu Thần, Mẫn Hiên* và *Cúc Đường*, song có sách nói *Chu Thần* là tự của ông, sách khác lại cho đấy là hiệu của ông. Căn cứ vào một số sách và từ điển thì *Hiệu* là "Danh hiệu" "Bút hiệu" do đương sự tự đặt lấy, gói ghém ý nguyện ở trong; *Tự* là tên chữ Hán, qua tên tự người ta liên tưởng được tên chính. *Chu Thần* với nghĩa "bầy tôi nhà Chu" đúng là tên tự của Cao Bá Quát. *Thơ văn Cao Bá Quát, Danh nhân lịch sử Việt Nam* đều chép tự của ông là *Chu Thần*, hiệu *Cúc Đường*, bút hiệu *Mẫn Hiên.*

(Nguyễn Thị Chân Quỳnh)

Về cái chết của Nguyễn Du

Mùa đông năm 1919, Gia Long băng hà, Minh Mệnh nối ngôi. (1820), triều đình cần thực hiện một nghi thức ngoại giao là cử sứ thần sang Tàu cầu phong cho vua mới.

Rủi thay, khi ông chuẩn bị lên đường cũng là khi nạn đại dịch (dịch tả) đang hoành hành từ Nam chí Bắc. Lan qua Huế, ôn thần dịch lệ đã kịp chép tên ông vào sổ các nạn nhân! Đây là những thông tin "lạnh lùng" có được từ *Đại Nam chính biên liệt truyện*: "Đến khi bệnh kịch, không chịu uống thuốc, sai người nhà mở duỗi chân tay, nói đã lạnh cả, *Du bảo rằng "tốt", nói xong thì chết, không nói một câu nào đến việc sau khi chết*". (Sđd, t.2, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1997, tr.357). Gia phả và các tài liệu khác, về cái chết của Nguyễn Du, đều chép đại để như vậy.

(Về cái chết của Nguyễn Du – Trần Ngọc Vượng)

Mộ phần Hồ Xuân Hương ở Hồ Tây? - 1

Trong một lần công tác, tôi về Quỳnh Đôi (Quỳnh Lưu, Nghệ An) - mảnh đất địa đầu xứ Nghệ xưa nay nức tiếng là làng khoa bảng, khi có câu "Bắc Hà - Hành Thiện, Hoan Diễn - Quỳnh Đôi". Nằm trên quốc lộ 1A có biển chỉ dẫn "Bia, mộ nữ sĩ Hồ Xuân Hương" khiến tôi băn khăn, phải chăng người ta đã tìm được mộ phần của "Bà chúa thơ Nôm" về quê nhà?
Từ đường quốc lộ 1A, đi vào con đường liên xã chừng 5 - 6km, tôi đến xã Quỳnh Đôi, bên tay phải có nhà bia ghi dòng chữ "bia nữ sĩ Hồ Xuân Hương (1772-1822)"- thì ra đây chỉ là…"bia", chứ không phải…mộ bà. Hai bên đường dẫn vào nhà bia, là hàng xà cừ cổ thụ, và bao quanh là cánh đồng lúa xanh rì…
Hỏi chuyện cụ Hồ Xuân Quế, trưởng tộc họ Hồ Quỳnh Đôi, thì cụ cho biết: "Tôi cũng không biết mộ bà ở mô, người ta nghi mộ bà ở Vĩnh Phúc, hay ở ven Hồ Tây chi đó…".

***
Bên cạnh Hồ Tây lộng gió, Hồ Xuân Hương lập ra Cổ Nguyệt đường là cái quán nơi đàm đạo thơ văn, thu hút nhiều văn nhân - bạn bè lui tới, như Chiêu Hổ, Trần Hầu, Tốn Phong Thị, Phạm Quí Thích, Nguyễn Huy Tự, Mai Sơn Phủ, Cư Đình, Trần Quang Tĩnh, Trần Phúc Hiển, và có cả….*Nguyễn Du* nữa.

(Nguyễn Quang Thành)

Đối mặt cùng ly rượu

Lúc còn sống chẳng uống cạn chén rượu trong bầu
Mai sau khi chết nào ai rưới rượu trên mồ

(Nguyễn Du)

Mộ phần Hồ Xuân Hương ở Hồ Tây? - 2

Tôi đã tìm gặp nhà nghiên cứu Hồ Bá Hiền, la trưởng ban Sử và cũng là ban liên lạc họ Hồ Việt Nam.
Ông Hiền nói: chứng tích rõ nhất là ở bài thơ "Long Biên trúc chi từ" của Tùng Thiện Vương (Miên Thẩm), khi năm 1842 nhà thơ hộ giá vua anh là Thiệu Trị (1840- 1847) ra Bắc tiếp sứ thần Trung Hoa. Miên Thẩm cảm hòai: "Đầy hồ rực rỡ hoa sen/ Sai người xuống hái để lên *cúng đàn*/ Chớ trèo lên mộ Xuân Hương/ Suối vàng còn giận tơ vương lỡ làng/ Sen tàn phấn rữa mồ hoang/ Xuân Hương đã khuất bên đàng cỏ xanh/ U hồn say khướt làm thinh/ Gió xuân mấy độ thổi tình ai hay"
(GS. Hoàng Xuân Hãn dịch).

Nơi "cúng đàn", *phải chăng là chùa Kim Liên*, nay vẫn còn, mộ phần của Hồ Xuân Hương cạnh nghĩa địa Đồng Táo, cách xa chùa không quá 300 m. Cần nói thêm là, trước kia Hồ Tây nhỏ hơn bây giờ, khi bị vỡ đê, nước đã nhấn chìm nhiều nghĩa địa, trong đó có nghĩa địa Đồng Táo.

Sách "Tây Hồ chí" có đóng dấu của Viện Viễn đông Bác cổ, ký hiệu A3192/1-2 đoạn viết về hình thế hồ có câu: "Thôn Lạc Chính (tên cũ là Ngũ Xã) ở giữa hồ gồm 2 bãi bồi lớn, nhỏ hình con lân. Bãi lớn rộng vài trăm mẫu là khu dân cư, bãi nhỏ khoảng ba bốn chục mẫu có nhiều phần mộ". Bài thơ cùng nhiều tài liệu khác, ông Hồ Bá Hiền nghi mộ bà ở một trong 3 nơi: nghĩa địa Lạc Chính (gần Trúc Bạch), nghĩa địa Đồng Táo (ở Nghi Tàm) và gò Thất Tinh (giữa Thụy Khuê và làng Hồ Khẩu).

(Nguyễn Quang Thành)

Tiến sĩ vinh quy

Thông thường ông tiến sĩ cưỡi ngựa (như định lệ cho phép) hay ngồi võng. Nhưng, Nguyễn Thị Chân Quỳnh lại cho biết trường hợp *một ông tiến sĩ cưỡi voi*:
Lúc đầu Tân khoa vinh quy cưỡi ngựa trạm, *Phạm Quý Thích cưỡi voi* nhưng không rõ từ bao giờ tân khoa lại ngồi võng (1).

Năm 1780, tháng 3, vua Lê ra văn sách cho những người dự trúng kỳ thi hội khoa Kỷ hợi (1779) ở điện nhà vua. Qua ngày hôm sau chúa Tĩnh Vương thân đến ngự tại phủ đường, lại cho họ thi bài văn sách nữa (...).
Phạm Quý Thích, người Hoa Đường, huyện Đường An, nhà ở phường Báo Thiên, huyện Thọ Xương, 20 tuổi, do nho sinh trúng thức, đỗ thứ hai kỳ thi hội (2).
Phạm Quý Thích đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân. Không có gì đặc biệt hơn các tiến sĩ khác. Theo định lệ của nhà Lê thì Phạm Quý Thích được *cưỡi ngựa* vinh quy. *Không biết sách nào chép ông được cưỡi voi?*

(1) Nguyễn Thị Chân Quỳnh, *Văn Miếu Thăng Long-Hà Nội*,.
(2). Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp kỷ, tập 2*, KHXH, 1975, tr. 197.

(Nguyễn Dư)

Văn hoá ẩm thực

Hủ tiếu Mỹ Tho

Hủ tiếu Mỹ Tho có lẽ là món còn giữ được gần với món hủ tiếu khi mới ra đời. *Nước dùng nấu bằng xương ống, mực khô nướng thơm, khi ăn có trụng một ít cải xanh xắt nhỏ. Một số nơi thêm miếng sườn heo, hoặc quả trứng cút vào tô hủ tiếu.*

Ở Vĩnh Long cách nêm gia vị lạ lùng là khi tô hủ tiếu múc ra người ta nêm vào muỗng đường cát. Hủ tiếu là món ăn cùng tuổi với vùng đất miền Nam. Nó chưa vươn ra khỏi địa bàn đã

sinh ra nhưng đã giành được khẩu vị của người dân của một thành phố đông dân và sầm uất vào bậc nhất, góp phần làm phong phú thêm bản thực đơn miền Nam vốn đã rất phong phú.

(Nguồn: Diệu Huyền)

Tiếng Tàu chữ Việt

Kê dậu

Hai chữ Hán Việt này là chữ đồng âm và đồng nghĩa, đều chỉ con gà trống. Theo giáp cốt văn và kim văn, "kê" là chữ thuộc loại tượng hình tự. Tự hình của chữ này rất *giống hình một con gà trống, trên có mào*.

Dậu không phải là…*gà.*
Người ta thường nói: "Tôi tuổi Dậu", để nói rằng năm sinh của người đó *thuộc năm gà,* vì thế, đôi khi đưa đến sự lầm lẫn cho rằng *dậu…có nghĩa là gà*.
Thật ra, chữ dậu là chữ thuộc loại độc thể tự. Tự hình, là *hình vẽ một cái bình đựng đầy rượu*, nên nghĩa gốc của dậu. Ngày xưa là rượu, nên *chữ tử u酒 mới đầu viết là dậu.*

Về sau, theo cách giả tá, dậu mới biểu thị danh xưng của chi thứ mười trong mười hai địa chi: tý, sửu, dần, mão, thìn, tỵ, ngọ, mùi, thân, *dậu*, tuất, hợi.

(Phạm Xuân Hỳ)

Người Hoa trên đất Việt

Ai cũng hay biết đợt di dân của người Hoa sang nước ta vào thời bài Thanh phục Minh, họ đi từng đoàn đông đảo tạo nên hội, bang riêng là người Minh Hương ở miền Nam. Trước đó, ngay từ hồi xa xưa, họ đã sang nước ta từ lâu nhưng vì họ đi lẻ tẻ nên sử sách không ghi lại. Lùi lại thời Đông Châu liệt quốc, Khi nước Việt của Câu Tiễn bị nước Sở đánh tan, khoảng 500 năm trước công nguyên, họ đã sang nước ta. Đợt di dân này có thể đông hơn cả đợt di dâb lánh nạn của người Minh Hương.
Thời Tần Thủy Hoàng, thời Hán Sở tranh hùng, thời Tam Quốc, rồi Mông Cổ diệt Tống. Đã đẩy đưa người dân Trung Hoa có mặt ở nước ta. Ấy là chưa kể buổi sơ khai lập quốc, *một số gia quyến quan lại Trung Hoa như thứ sử, thái sử sang làm quan rôi đã ở lại vì chống dối thiên triều* hay con đường vạn lý quan san họ không *trở lại cố quốc quá xa xôi cách trở này kia kia nọ…*

Những người Hoa sang nước ta vào thời kỳ trên, thường sống rải rác và đến thế hệ thứ hai, thứ ba họ biến hẳn thành người Việt. Về quan lại thì có *Lý Thường Kiệt, Lê Văn Duyệt, Phan Thanh Giản, Võ Trường Toản, Trịnh Hoài Đức*, v…v…
Đến đời nay có…*Trịnh Công Sơn.*

(Nguyễn Ngọc Ngạn – Khám phá văn hóa Việt)

Bút sa gà chết

Bút sa gà chết là thành ngữ điển tích. Ngày xưa khi có việc ra làng xã xin ký tên, đóng dấu chứng nhận điều gì, người đi xin có *lễ biếu gà xôi biện lễ*.
Hiểu theo nghĩa là khi quan trên hạ bút xuống là có *một con gà phải…tử vong.*

(Bút Chì – Hiểu đúng thành ngữ, tục ngữ, điển tích)

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

"sửu: tài *sửu*. → không viết: *sỉu*". (Gs Nguyễn Văn Khang)

Viết "*sửu*" hay "*sỉu*" đều không đúng. "Tài *xỉu*" 大小 là một trò cờ bạc có tên đầy đủ là "*đổ đại tiểu*" 賭大小. Theo đây, "*xỉu*" là phiên âm của "tiểu" 小 (bính âm: xiǎo), nên phải viết "*tài xỉu*".

(Hòang Tuấn Công)

Khoa cử thời xưa

Năm 1070, Lý Thánh Tông lập Văn miếu thờ Khổng tử. Đời Lý, Phật giáo được coi như quốc giáo, các nho sinh được thụ giáo trước ở các chùa do sư dậy. Lý Thánh Tông mất năm 1072. Lý Nhân Tông còn nhỏ, bà Ỷ Lan nhiếp chính. Năm 1075, bắt chước nhà Đường, bà ra lệnh mở kỳ thi *Minh kinh bác học* (giảng giải kinh sách) còn gọi là khoa Tam trường (thi Đại khoa gồm ba kỳ) để kén chọn nhân tài. Đây là kỳ thi mở đầu nền khoa cử ở nước ta, trong phép thi cử dùng cả tam giáo: Nho, Lão, Phật. *Lê Văn Thịnh, người Bắc Ninh, đỗ đầu trong kỳ thi này.*

Năm1076, trường *Quốc tử giám* được thiết lập, bổ những ngươi văn học vào dậy *Tứ thư, Ngũ kinh* đào tạo nho sĩ. Sĩ tử là con của vua quan nên sĩ số chẳng là bao. Tuy nhiên có thể nói Quốc tử giám hay Văn miếu là đại học tiên khởi của nước ta, chỉ khi nào cần nhân tài mới mở khoa thi. Năm 1152, Lý Anh Tông mở kỳ thi *Điện thí* trong sân điện của vua, sau này gọi là thi *Đình.*

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

"triết: khúc *triết*. → không viết: *chiết*". (Gs Nguyễn Văn Khang)

Viết "chiết" mới đúng. Vì "chiết" 折 nghĩa là cong, "khúc chiết" 曲折 là quanh co, không thẳng. *lựa lời khúc chiết để chối quanh*.

(Hòang Tuấn Công)

Tiến sĩ vinh quy

Năm 1868, vua Tự Đức cho thi ân khoa. Tại trường thi hương ngoài Hà Nội, có lính cưỡi voi dàn chào các khảo quan tiến trường. (Nguyễn Công Hoan, *Sóng Vũ môn*).
Tại trường thi hương Hà Nội, ngày xướng danh có lính cưỡi voi đi quanh phố, dùng loa hô tên người đỗ (Ngô Tất Tố, *Lều chõng*).
Tại Nam Định:
Xướng danh tên gọi *trên mình tượng*
Ăn yến xem ra có thịt công
(Tú Xương, *Hương thí tự trào*)

Thời Tự Đức, tổ chức thi hương ngoài Bắc có huy động cả lính cưỡivoi. Nhưng cảnh cưỡi voi vinh quy thì dường như chỉ được thấy trong một tấm tranh dân gian (1).
(1) Maurice Durand, *Imagerie populaire vietnamienne*, EFEO, 2011, tr. 62 -

Tranh vẽ hai đám rước: Nửa trên là rước *tiến sĩ xuất thân. Ngựa chàng đi trước, kiệu nàng theo sau.*

Nửa dưới là rước *tạo sĩ hiển hồi*. Ông *tạo sĩ* quan võ cưỡi voi.

(Nguyễn Dư)

Một nền văn học của những người vắng mặt

Nhiều nhà văn miền Nam chết trong tù, nhiều người vừa ra khỏi cửa nhà tù thì chết trước ngưỡng cửa nhà mình. Có người chết trên xe, chiếc xe đang chạy trên đoạn đường từ trại tập trung, hướng về nhà cũ. Đó là trường hợp *nhà văn Hồ Hữu Tường*.
Nhà thơ Vũ Hoàng Chương về tới nhà vài ngày mới chết.
Đây là danh sách các trí thức văn nghệ sĩ Miền Nam chết trong các nhà tù hay các trại tập trung gọi là cải tạo, hay chết chỉ một thời gian ngắn sau khi được thả về, từ sau 30 Tháng Tư 1975, mà tác giả Chiêu niệm Văn Chương sẽ cố gắng ghi lại:
Dương Hùng Cường, Hiếu Chân Nguyễn Hoạt, Hoàng Vĩnh Lộc, Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Ngọc Trụ (bị xử bắn trong trại), Phan Huy Quát, Phạm Văn Sơn, Trần Văn Tuyên, Thục Vũ, Minh Kỳ ...

Trầm tịch ngoài biển đông có *Chu Tử, Trần Đại* ... Vùi xác trên đường bộ trên địa phận Cao Mên có nữ nghệ sĩ Hồ Điệp. Đó là chỉ kể những người tôi được quen biết trong thời gian làm báo và làm phát thanh ở Việt Nam, trừ Hồ Hữu Tường, Nguyễn Ngọc Trụ sinh hoạt trong môi trường chính trị, tư pháp tôi ít lui tới.

(Viên Linh)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Làm giàu không khó
Nhưng khó ở chỗ làm mãi mà không giàu.

185 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Như Trần Hoài Thư nhận xét, ít có tờ báo văn học nào ở Sài Gòn thời đó mà quan tâm nhiều đến những cây bút trẻ đang cầm súng chiến đấu trên các chiến trường như tạp chí *Văn*, hay nói cụ thể hơn, như Trần Phong Giao. Không những đăng nhiều truyện ngắn nóng hổi viết và gửi vào từ mặt trận, người thư ký tòa soạn này còn tỏ ra lo lắng đến số phận họ. Tôi còn nhớ, có lần anh cho biết là đã nhờ người quen trong Tổng Tham Mưu kéo Y Uyên – lúc đó đang ở một đơn vị chiến đấu ngoài mặt trận ở Tuy Hòa – về Sài Gòn hay về một hậu cứ an toàn nào đó.

Nhưng đáng tiếc là, một thời gian ngắn trước khi Y Uyên nhận được giấy thuyên chuyển, anh đã tử trận, khoảng mùa hè năm 1969. Tài hoa bạc mệnh! Trần Phong Giao buồn lắm. Tiếc nữa, vì Y Uyên là một cây bút "cưng" của Văn (và cũng của Bách Khoa). Hầu hết truyện của Y Uyên đều viết về những khổ nạn chiến tranh. Văn Y Uyên có một phong cách rất riêng, hiện thực mà vẫn bay bổng, chi li nhưng không quá sa đà. Thú thật, tôi "mê" văn Y Uyên, mê lối viết điềm tĩnh của anh. Điềm tĩnh lạ lùng. Điềm tĩnh mà đau buốt. Cho nên khi Trần Phong Giao yêu cầu tôi viết bài cho số *Văn* tưởng niệm Y Uyên, tôi nhận lời ngay.

Số tưởng niệm đó ấn hành đâu vào năm 1969 hay 1970 (tôi không nhớ rõ chính xác thời gian) là một số báo khá dày, với sự đóng góp của nhiều bạn văn và nhà biên khảo.
Riêng tôi, tôi viết bài "*Khuôn mặt chiến tranh trong tác phẩm Y Uyên*", phân tích cách mô tả chiến tranh trong truyện ngắn của anh. Tất cả tiền nhuận bút của số báo này đều được các tác giả đồng ý gửi về cho gia đình Y Uyên để làm tấm bia mộ cho anh, gọi là chút tấm lòng của những bạn văn đối với người quá cố.

(Một chút Trần Phong Giao – Trần Hữu Thục)

Sách cũ miền Nam 1954 -1975

Sự tác động để phổ biến những văn hoá phẩm là nhờ vào một số lớn nhà xuất bản có công với Văn Học. Họ là những nhà xuất bản như Trình Bày, Nam Sơn, Nguyễn Đình Vượng, Văn Hoá Á Châu, Diên Hồng, Xưa nay, Khai Trí, Lá Bối, An Tiêm. Những nhà xuất bản này đã đóng góp vào việc xuất bản 200 triệu cuốn sách trong 20 năm. Con số thật không nhỏ.

1.- Ông Khai Trí : Chẳng mấy ai biết tên thật của ông, thành ra thương hiệu nhà sách KT, 62 Lê Lợi được đồng hoá vào tên ông. Thật ra tên ông là Nguyễn Hùng Trương, với hai tay trắng làm nên sự nghiệp. Ông vừa là một doanh gia, vừa là người làm văn hóa. Ông biên soạn khoảng 15 cuốn sách như *Thơ tình Việt Nam và thế giới chọn lọc, Chánh tả cho người miền Nam*... và chủ trương tuần báo Thiếu Nhi cùng với Nhật Tiến.

Sau giải phóng, nhà sách KT là nạn nhân của nạn hôi của, đốt phá. Sách vở tung toé khắp nơi từ trong nhà sách ra ngoài đường. Tôi đã chính mắt chứng kiến cảnh ấy trong nỗi bất lực, bất lực của một người tự xếp hàng vào người thua cuộc. Tôi không biết lúc bấy giờ ông Khai Trí đứng ở đâu. Đứng ở đâu thì cũng cùng tâm cảnh đau xót đó thôi. Khi đã chứng kiến cảnh này rồi thì đừng bảo tôi có thể nghĩ hay cho những người mới đến. Họ không hiểu được điều đó vì quá hăng say trong men chiến thắng hay họ chưa bao giờ biết nghĩ tới người dân muốn gì, nghĩ gì. Tiếp theo đó là hai kho sách lớn cũng bi trưng thâu. Hằng vài trăm ngàn cuốn sách ra khỏi kho, rồi biến mất dạng.
Ông trắng tay sau bao nhiêu năm tốn công gây dựng.

(Nguyễn Văn Lục)

Vài nét về nhà nghiên cứu Lại Nguyên Ân

Những bài viết sắc sảo và có nhiều tìm tòi của ông tập trung bàn về: các thể tài chức năng, trước thuật và sáng tác nghệ thuật trong văn học Việt Nam; Hệ thống thể loại trong văn học Việt Nam 1945-1985; diện mạo và các vấn đề của văn xuôi 1975-1985; đổi mới tư duy lý luận, phê bình văn học theo hướng hiện đại và cập nhật các khuynh hướng sáng tác mới; sự thay đổi vị thế của văn học trong thời đại văn hóa nghe nhìn lên ngôi, truyền thông kỹ thuật số đang phổ biến mạnh mẽ.

Khoảng hơn 10 năm gần đây, Lại Nguyên Ân dành nhiều thời gian cho *khoa văn bản học*. Ông cho ra đời một loạt công trình *sưu tập, hiệu đính văn bản các tác phẩm bị thất lạc, lãng quên hay còn tản mát hoặc đang tồn tại nhiều dị bản chưa quy về một mối*.
Qua đó ông lưu ý cách tiếp cận thực chứng, nghiêm túc đối với những tác phẩm của những tác giả đang dần dần trở thành kinh điển, đánh dấu một thời kỳ chưa xa của văn học Việt Nam bước đầu trên đường hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Một mảng sách khác được Lại Nguyên Ân biên soạn là các loại sách tra cứu, tích tụ những thông tin mới và hàm lượng kiến thức hiện đại của chuyên ngành. Ông biên soạn cuốn *150 thuật ngữ văn học*, hơn 100 mục từ văn học Việt Nam cho cuốn *Từ điển văn học* đồ sộ, tham gia biên soạn *Từ điển văn học Việt Nam từ nguồn gốc đến hết thế kỷ XIX*…

Các công trình này đã tích hợp được những kiến văn uyên bác của ông về văn học Việt Nam và về lý luận văn học, giúp người đọc có thêm những tài liệu tham khảo đáng tin cậy trên hành trình chiếm lĩnh những tri thức chuyên biệt về văn học.

(Nguyễn Ngọc Thiện)

Tướng mạo con người qua ca dao, dân ca

Trai mà có cặp răng nanh
Gan dạ , chịu đựng, khôn lanh đủ điều

Chữ nghĩa làng văn

Thật ra, nếu đối chiếu thời gian người ta sẽ không dám tin hẳn lời Tô Hoài, vì thời điểm mà Nguyễn Bính tham gia làm Trăm Hoa có thể là giữa tháng 11/1955 hoặc muộn nhất là tháng 10/1956 Có lẽ đúng ra cơ quan mà Nguyễn Bính đã rời bỏ để đi ra ngoài làm báo Trăm Hoa là nhà xuất bản Văn Nghệ. Còn chuyện Nguyễn Bính về Nam Định để tìm một công việc làm,

nếu không do Hội Văn Nghệ thì cũng do Hội Nhà Văn giới thiệu, điều này có thể suy ra từ hồi ức Tô Hoài.

Trên thực tế, Nguyễn Bính về Nam Định trước sau chỉ làm một nhân viên ngoài biên chế của ty văn hóa tỉnh, và ông trưởng ty Chu Văn dường như *được giao đặc trách "chăm sóc" Nguyễn Bính*, như Tô Hoài viết: "Những ai đã công tác cùng Nguyễn Bính ở ty văn hóa Nam Định có thể biết Chu Văn đã quần Nguyễn đến điều thế nào" (Chiều Chiều, sđd, tr.228). Tô Hoài nói điều này trong Chiều Chiều chứ không phải trong Cát bụi chân ai (1992), khi Chu Văn (1922-1994) còn sống, hãy nhớ rằng trước đó nữa, cả hai ông, Tô Hoài và Chu Văn, người đề tựa, kẻ viết lời bạt cho Tuyển tập Nguyễn Bính (1986), giọng điệu rất hòa hợp nhau, như đều là hai "cố nhân" của Nguyễn Bính.

Dù có thể là đáng tin cậy đến mức nào, "chứng từ" của Tô Hoài về Nguyễn Bính như trên vẫn là quá ít ỏi. Trong khi đó, những nhân vật chính từng chịu nạn Nhân văn-Giai phẩm, trong một vài cuộc trò chuyện tương đối cởi mở gần đây, khi được hỏi về trường hợp Nguyễn Bính thì dường như lại không còn giữ được thông tin nào đáng kể. Bởi vậy, nên cần tìm hiểu lại Trăm Hoa.

(Nguyễn Bính và tuần báo Trăm Hoa - *Lại Nguyên Ân*)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Ở trên đời không có gì đáng sợ bằng sự ngu dốt.

Người viết và truyện ngắn

Khác với cách nhìn có phần đơn giản như thế, Doãn Quốc Sỹ đưa ra một hình ảnh tương đối chi li hơn và… khó khăn hơn. Theo ông: "Trong *truyện ngắn không có sự kiện chi tiết tràn bờ, dư thừa*. Tất cả đều như *những nhát búa đập chính xác lên đầu chiếc cọc để cọc đóng sâu và chắc xuống lòng đất.* Những tình tiết ngắn gọn liên tiếp tới với tác dụng soi sáng và đẩy nhanh, đẩy mạnh tới đoạn kết. *Cái bé nhưng bé hạt tiêu ở truyện ngắn là người viết phải luôn luôn có được cái nhìn thật sắc bén xuyên thẳng tới lõi sự vật*, đạt thấu tới bản thể của tâm tình. Ở truyện ngắn hễ xuất quân là phải tốc chiến tốc thắng. Hoặc thất bại."

Cùng một cách nhìn, nhưng Nguyễn Đức Sơn còn gây ấn tượng hơn khi nhấn mạnh: "Một truyện ngắn hay như một viên đá ném vào thạch động. Nó vang rền khắp nơi. Chúng ta tê điếng xa xăm, khác với cái tê điếng rất mạnh của nhục cảm." Thảo Trường thì cho rằng: "Viết truyện ngắn là dùng thứ kích thước nhỏ để dựng nên một vấn đề có khi…rất lớn." Phát biểu nghe nhẹ nhàng, nhưng lại nặng ký" Bàn về tính cách của truyện ngắn, Bình Nguyên Lộc nhận xét rằng: "*Truyện ngắn phải cô đọng, súc tích*".

(Trần Doãn Nho)

Đừng tưởng

Đừng tưởng đời mãi êm đềm..
Nhiều khi dậy sóng, khó kềm bản thân.
(Bùi Giáng)

Sống trên đời…

"…Tôi đưa *Nguyễn Tuân* về viện đại học Vinh ở Thanh Hóa để diễn thuyết, phó viện Trần Văn Hối làm tiệc lớn chiêu đãi và thủ một chai rượu ngoại đưa ra để thù tiếp nhưng Nguyễn Tuân làm lơ, lôi gói cơm nắm trong ba lô, xắt mấy lát mỏng, ăn với ruốc, sau đó lấy bi đông rượu rót ra cái nắp uống. Rồi ông vừa ngó chai rượu nằm chỏng chơ bên đĩa tiết canh và nhởn nha kể chuyện từng được một ông sư đãi một bữa thịt chó độc đáo. Thịt chó ướp gia vị, đặt vào giữa

bông sen của nhà chùa, bó lại, đem đồ cho chín dừ. Món ăn vừa có vị chát của nhựa sen, vừa có hương thơm của hoa sen.

Tôi nhủ thầm trong bụng, thịt chó mà dám cho vào tòa sen, ông sư nào mà hỗn thế, có kể cũng chẳng ai tin. Nhưng vừa ăn vừa nghĩ đến cái tục, cái thanh của nó như Nguyễn Tuân thì ắt hẳn chắc cũng thú…."

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

Phụ đính:
Theo Nguyễn Tuân: Tiết canh phải là..."tiết canh xâu". Là lấy sợi giây gai xâu (hay xiên) xuyên qua tiết canh, giữa trưa, treo ở giây phơi quần áo mà tiết canh vẫn lủng lẳng, phất phơ mới là tiết canh ngon. Đĩa tiết canh phải đông đặc, dầy như đĩa bánh đúc

Tướng mạo con người qua ca dao, dân ca

Cái sọ trọc như không có tóc
Kém công danh lao lực về sau

Góp nhặt chữ nghĩa làng văn

Lan Khai - Nghệ sĩ tài năng bị lãng quên?

Truyện đường rừng của Lan Khai
Cho đến đầu thế kỷ XX, rừng núi, vùng cao trong tâm thức người Việt đồng bằng, rất đúng như Philippe Papin trong *Việt Nam, hành trình một dân tộc* nhận xét, vẫn còn là một thực tại mới mẻ, một ý niệm mà họ chưa thấu rõ nội dung. Với nhiều người, không gian đó đồng nghĩa với biệt xứ, với lạ thường nên khi phải đối mặt, cảm giác sợ hãi.
Không phải ngẫu nhiên trong văn học giai đoạn này, với *Tản Đà ở điểm giao thời* và *Nguyễn Tuân* ở điểm cao trào, cảm hứng giang hồ, xê dịch và thú phiêu lưu trở thành mốt, không chỉ bày ra món mới cho các thực khách thuần nông vốn chỉ quen tâm lý khu trú an cư tại chỗ, mà còn hỗ trợ cho nhu cầu vươn tới những thực tại của tưởng tượng, của những điều chưa biết như tinh thần hiện đại tất yếu phải thế.

Bởi vậy, một phần kích tính, mới mẻ trong văn chương lẫn tâm thái sống bấy giờ là được bứng gốc để chiếm lĩnh hoặc thuộc về cái dị thường lạ lẫm. Rừng sâu núi thẳm, có mặt đầy thách thức cho tất cả những ai biết lối đi vào. Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Đái Đức Tuấn, Nhất Linh, Hồ Dzếnh, Vũ Bằng... đều đã từng thử sức, với rất nhiều hăm hở và kiên trì, đủ đến khi kéo được một lượng độc giả khá nhất định dõi theo những Người sơn nhân (1933), Vàng và máu (1934), Trên đỉnh non Tản (1940), Ai hát giữa rừng khuya (1942), Ngậm ngải tìm trầm (1943)...

Truyện đường rừng (1940) của Lan Khai xuất hiện đúng lúc niềm háo hức chuyện lạ biên viễn vào độ tăng cao. Đời người ngắn, đời văn không quá dài nhưng quá nhiều tác phẩm và cũng quá nhiều hoạt động của Lan Khai càng là lý do khiến người ta nhớ lâu tập truyện này.

(Phạm Vũ)

Giai thoại làng văn

Khoảng năm 1972, Lãng Nhân đã viết một bài dài về nghề làm báo thời tiền chiến: "Sở dĩ tôi ham làm báo là vì từ trước vẫn nghe nói chuyện về những thiên tài *Nguyễn Văn Vĩnh*, Phạm Quỳnh và đức cần cù của Trần Trọng Kim, nên muốn được học hỏi nơi các "thần tượng" ấy.

Trần Trọng Kim là người cần cù khổ học. Ông có một cái bàn viết thật độc đáo, *cả bàn ghế cả đèn đều đặt trong một chiếc màn lớn để tránh muỗi, đêm nào dù đi yến tiệc ở đâu cũng cứ 22 giờ là về, chui vào làm việc cho đến 2 giờ sáng*." (Văn, 10.1.1975)

(Viết văn làm báo thời xa xưa - Phùng Tất Đắc)

Người cháu giải oan cho học giả Nguyễn Văn Vĩnh

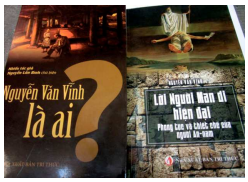

Từ 2 cuốn *Nguyễn Văn Vĩnh là ai?* và *Lời người Man di hiện đại* của Nguyễn Lân Bình để giải oan cho ông nội.
Đạo diễn Trần Văn Thủy quay thành phim: *Mạn đàm về người Man di hiện đại.*

Nguyễn Văn Vĩnh mang bi kịch người trí thức "Tây học" tiền phong trong lĩnh vực: văn hóa, văn minh, báo chí, văn học, nghệ thuật... nửa đầu thế kỷ 20. Bởi vậy, nhà làm phim có lý khi đặt tên và chọn phương thức…"mạn đàm".
Phim xuất hiện hai dòng nhân vật, hai góc nhìn: trong và ngoài gia tộc Nguyễn Văn Vĩnh. Từ "điểm nhìn" riêng, các nhân vật bày tỏ ý kiến dân chủ về "người man di hiện đại" - cách gọi mà *Nguyễn Văn Vĩnh đã tự đặt cho mình*. Nhiều cảnh quay cảm động về người trong gia đình biểu lộ *đau buồn, tủi hổ vì bị người đời coi khinh, là con cháu của "tay sai" thực dân Pháp*. Nhiều tâm sự chứa chan nước mắt qua lời kể của con gái, con trai, con dâu, cháu ngoại, cháu nội... khiến người xem rơi lệ.

Mạn đàm quay từ góc độ với các nhà văn hóa, nhà sử học, nhà văn, nhà báo... đều đánh giá *Nguyễn Văn Vĩnh trên tinh thần tôn vinh sự thật*. Phan Huy Lê: Nguyễn Văn Vĩnh là nhà tư tưởng đầu tiên mang tính khai sáng. Nguyễn Huệ Chi bức xúc: Không biết "hù dọa" nào khiến ta không dám gọi Nguyễn Văn Vĩnh là nhà yêu nước?

Vì sự nghiệp của Nguyễn Văn Vĩnh không được nhìn nhận nên đời Nguyễn Văn Vĩnh mới bi kịch! Phim *Mạn đàm về người Man di hiện đại.*của Trần Văn Thủy *có cảnh sông Sêpôn, sang Lào tìm vàng, ông chết thảm ở tuổi 54 trên thuyền độc mộc, tay vẫn cầm cây bút viết dở thiên ký sự* tiếng Pháp *Một tháng với những người tìm vàng*.

(Nguyễn thị Minh Thái)

Nói lái trong văn học

Trong dân gian, hầu như ở miền nào cũng có nghe truyền tụng những câu nói lái qua câu đố, câu đối, hay nói lái với hò vè,…
Trong thơ ca thì nói lái không thiếu. Riêng Bùi Giáng ưa nói lái thật khác người, không cần người đọc có hiểu hay không. Ông thường dùng những từ như: tồn lưu, lưu tồn, tồn liên, liên tồn..
Lọt cồn trận gió đi hoang
Tồn liên ở lại xin làn dồn ra
(Mưa nguồn)

(Thân Trọng Sơn)

Câu đố dân gian

Khi xưa ở huyện Hoang Toàng,
Ở xã Bạch Bố, ở làng Cẩm Y;
Ngày thì thủ thỉ nằm ỳ,
Tối thì rủ rỉ rù rì ra ăn
(con rận)

Cấu tạo câu đố

Thể lục bát

Nhưng thường câu đố hay đặt theo thể lục bát là một thể dân quê quen thuộc hơn cả, đọc lên nó êm đềm dễ nhớ hơn.
Một cây mà có năm cành,
Giúng nước thì héo để dành thì tươi. (bàn tay)

Trên đây là mấy thể chính thông thường hơn cả. Nhưng ngoài ra ta còn gặp cả những thể lục bát kiến thức, hay song thất kiến thức, hay nhiều khi không theo luật mẹo nào hết:
Để yên thì nằm thin thít,
Hễ động liếm đít, là chạy tứ tung (bào).

(Câu đố - Thanh Lãng)

Cảm thán

Một tập thơ sầu ngâm sảng sảng
Vài nai rượu kếch ních tỳ tỳ
Chết về tiên bụt cho xong kiếp
Đù ỏa trần gian! sống mãi chi
(Phạm Thái)

Giai thoại về câu đối

Theo lời kể của Đỗ Bằng Đoàn thì đời Tự Đức, Bá hộ Vọng tỉnh Nam Định, nhà giàu có. Gặp ngày Tết, suốt nhà trên nhà dưới, trong bếp, ngoài cổng, cho đến chuồng trâu, chuồng gà… chỗ nào cũng dán câu đối. Câu nào cũng xin chữ ông nghè, ông cử, và nhờ các tay chữ tốt viết. Chỉ có chuồng lợn là chưa có câu đối.

Một hôm ông ta dò biết Đầu xứ Viêm ở huyện Yên Lão, tỉnh Hà Nam hay chữ. Ông Đầu xứ vui vẻ nói: "Ông muốn làm câu đối dán chuồng lợn, tôi làm cho ông mỗi vế 7 chữ. Cứ xin ông mỗi chữ 3 quan tiền". Bá hộ Vọng mừng rỡ, đưa ngay đủ số tiền 42 quan.
Bá hộ Vọng mời các bạn đến thưởng thức, xem câu đối của ông Đầu xứ Viêm làm dán chuồng lợn hay đến bực nào. Khi mở ra mọi người trố mắt nhìn, thấy hai vế câu đối viết trên giấy gạch cua, chỉ có *14 chữ "trường"*.

Sáng hôm sau dậy thật sớm đến ông Đầu xứ và đòi lại tiền. Ông Đầu xứ mới ôn tồn giảng giải: "Xin hỏi, người nuôi lợn muốn cái gì, có phải mong cho lợn chóng lớn để bán được tiền không?

Nói xong ông cầm bút vòng vào mấy chữ "trường" ở câu đối (chữ trường nghĩa là dài, thêm dấu móc trên đầu thành chữ trưởng nghĩa là lớn), rồi đọc:
Trường trường trưởng trưởng trường trường trưởng,
Trưởng trưởng trường trường trưởng trưởng trường.

Và cắt nghĩa:
Dài dài lớn lớn dài dài lớn,
Lớn lớn dài dài lớn lớn dài.

Câu đố dân gian

Gia Cát đánh nhau với Đông Ngô,
Đông Ngô thua, Đông Ngô bỏ chạy,
Gia Cát dồn quân đánh lại trận sau
(rang ngô)

Nón quai thao

Nón *xuất hiện ở Hải Dương vào đời Trần* sáng tạo cho cung nữ gọi là nón thượng. Qua *đời Lê, nón được thêm quai thao*.

Tương truyền ông Vũ Đức Úy được cử làm phó sứ sang Tàu, bỏ công học nghề thủ công, dệt thao rồi về nước truyền nghề : nghề dệt, nghề dùng sợi tơ làm dây đàn, quai thao cho nón... Dân làng nhớ ơn ông, trước thờ ông tại Đình Lớn cùng với vị thành hoàng, sau xây đến thờ tổ ba gian trông ra hồ nước, cạnh chùa Hương Vân. Trên cánh đồng Miễu, có ngôi mộ ông, bằng gạch với hai hàng ch : ″Vũ Sứ thần chi mộ″ và ″Tổ thụ hoàng ân″, trước có tấm bia thời Cảnh Hưng thứ VI (1765) kể sự tích vị tổ.

Trong chùa có tượng Vũ Sứ thần to như thật và câu đối
Lục nghệ thần thông, tứ dân hoài đức ;
Song tinh nội chiếu, ngũ phúc kiêm toàn.
(*Sáu nghề tinh thông, muôn dân nhờ đức ;*
Hai sao chiếu sáng, năm phúc vẹn toàn).

(Chiếc nón quai thao Kinh Bắc – Võ Quang Yến)

Cá nuốt cá, người trói người

Chuyện kể khi còn bé, Cao Bá Quát ra tắm ở Hồ Tây. Đúng vào lúc vua Minh Mệnh tuần du ở ngoài bắc, nhà vua cũng đến Hồ Tây xem phong cảnh. Đạo ngự đi qua, tàn lọng rợp trời, gươm đao sáng quắc, ai cũng phải tránh xa, riêng cậu Quát cứ tự do vùng vẫy. Lính đến bắt lôi lên bờ, cậu cứ trần truồng đến trước mặt vua, tự khai là học trò, vì trời nực ra tắm mát. Vua nhìn xuống hồ thấy có con cá lớn đang đuổi đàn cá con, liền đọc một câu đối, bảo nếu đúng Quát là học trò thì phải đối được, sẽ tha không đánh đòn; vua đọc:
Nước trong leo lẻo, cá đớp cá.
Cậu Quát ứng khẩu đối ngay:
Trời nắng chang chang, người trói người

Một số truyền thuyết sai lầm về Cao Bá Quát

Học vấn

Theo Trúc Khê Ngô văn Triện kỳ thi Hạch ấy diễn ra ở Bắc Ninh, đầu đề bài thơ là "Thiếu niên anh tuấn" Quát làm bài rất hay nhưng hai câu cuối thất niêm, các bài khác cũng xuất sắc, quan trường không câu nệ, cố chấp, vẫn cho đỗ Đầu Xứ (7).

Vì ông tuổi trẻ đỗ sớm nên mắc tật kiêu ngạo. Để chứng tỏ tính nết kiêu ngạo của ông, người ta thường kể ông từng tuyên bố :"Thiên hạ có bốn bồ chữ, riêng tôi giữ hai bồ, anh tôi giữ một bồ" (có chỗ chép "Anh tôi là Bá Đạt và bạn tôi là Nguyễn văn Siêu giữ một bồ) còn một bồ chia cho kẻ sĩ khắp thiên hạ".

Song theo Lãng Nhân, *Giai thoại làng Nho toàn tập*, thì câu này phỏng theo ý của Tạ Linh Vận (Trung quốc) "Trong thiên hạ tài có một thạch (mười đấu), Tào Tử Kiến (Tào Thực, con Tào Tháo) được tám đấu, riêng tôi giữ một đấu còn một đấu phân phát cho khắp kẻ sĩ cổ kim".

Như vậy rõ ràng là chuyện bắt chước Trung quốc, liệu có phải Cao đã "cóp" người xưa thật hay vì thấy ông mang tiếng kiêu ngạo mà có người đã đem chuyện này gán ghép cho ông ?

Năm 1831 ông thi Hương, được lấy đỗ Á nguyên (đỗ thứ nhì) trường Hà Nội song khi bộ Lễ duyệt lại hạ xuống đỗ cuối bảng. Vì cái tính ngông mà mấy lần thi Hội ông đều bị đánh hỏng.

(Nguyễn Thị Chân Quỳnh)

Những khuất lấp thời Hồng Bàng thị

Bởi chưng tên gọi triều đại xưa nước Tàu thường dùng chữ *thị* như Hữu Sào thị, Tam Nhân thị. Vì "thị" là "họ".
Vì thế sử ta gọi 18 vua Hùng là *Hồng Bàng thị*.

Với 18 vua Hùng, dựa vào nhà văn hóa Nguyễn Đăng Thục…
"…*Việt sử lược* là bộ sử đầu tiên của ta cũng viết rõ hơn: Xưa hoàng đế dựng muôn nước thấy Giao Chỉ ở xa ngoài cõi Bách Việt, không thể thống thuộc được bèn chia giới hạn ở góc tây nam. Đến đời Thành vương nhà Chu (1024-1005 tr. C.N) *Việt Thường thị* mới đem dâng bạch trĩ, sách Xuân Thu, gọi là Khuyết địa Đài ký.

Đến đời Trung vương nhà Chu (696-682 tr. C.N.) ở bộ Gia Ninh (tức là Mê Linh nhà Hán). Phong Châu đời Đường quê hương của Trưng Trắc mà theo truyền thuyết là dòng dõi Hùng vương có người lạ, dùng ảo thuật áp phục được các bộ lạc, tự xưng là Hùng vương, đóng đô ở Văn Lang, hiệu là nước Văn Lang, phong tục thuần hậu, chất phác, chính sự dùng lối kết nút. Truyền được 18 đời đều gọi là Hùng vương...
Trong các đoạn văn sử kiện chính thức của Tàu và Ta thì có điểm nào là sự thực, điểm nào là truyền thuyết ?..."

Mộ phần Hồ Xuân Hương ở Hồ Tây?

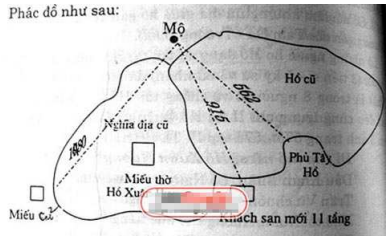

Từ thông tin góp nhặt đây đó chưa đủ, ông Hiền (1) "cầu cứu" đến nhà ngoại cảm NTN cho biết:

Mộ bà hiện ở vùng hồ Tây gần nghĩa địa Đồng Táo, gần khách sạn Thắng Lợi).

Sơ đồ vị trí ngô mộ, do ông Hồ Bá Hiền vẽ
(1) Ông Hiền, trưởng ban Sử, ban liên lạc họ Hồ Việt Nam

Mộ ở dưới hồ, sâu khoảng 1,8-2,4 m, cạnh đấy có miếu thờ bà… Từ đó, ông Hiền đã phác ra sơ đồ mộ bà: Cách phủ Tây Hồ 625m về phía Tây Nam, cách khách sạn Thắng Lợi 915m về phía Nam, từ miếu cũ xuôi về Tây 1.480m.

Ông Vũ Hồ Luân trưởng ban quản lý di tích đình, chùa làng Hồ Khẩu, phường Bưởi, cho biết: "Thực ra, tôi nguyên cũng là người họ Hồ. Theo các cụ truyền lại thì vua Quang Trung - Nguyễn Huệ (tức Hồ Thơm) khi kéo quân ra Bắc đánh quân Thanh đem theo rất nhiều người họ Hồ ra, rồi định cư rải rác ở Thăng Long, trong đó có cụ kỵ tôi. Khi Nguyễn Ánh diệt nhà Tây Sơn, thì nhiều người họ Hồ ở Thăng Long đổi sang họ khác, cụ kỵ tôi đổi sang họ Vũ, nhưng vẫn lấy đệm là Hồ (Vũ Hồ)".

Là nhà giáo nghỉ hưu, lại sống nhiều đời ở làng Hồ Khẩu, rất am hiểu, và viết nhiều sách về vùng Hồ Tây, ông Vũ Hồ Luân cho biết: "Tôi đã cùng 2 đoàn của dòng họ Hồ gồm 2 tiến sĩ, 6 kỹ sư và cử nhân, đi ca-nô ra hồ Tây để xác định vị trí, theo thông tin của nhà ngoại cảm NTN".
Tuy nhiên, các cuộc tìm kiếm vẫn chưa thành công

Ông Hồ Bá Hiền cho biết, việc tìm được mộ phần - di cốt của bà không chỉ là mong mỏi của hậu sinh dòng họ, mà của những ai ở trong nước và nước ngòai để có dịp thắm cho bà nén hương.

(Nguyễn Quang Thành)

Người Hoa trên đất Việt

Nếu như Hà Nội có tẩm quất, có bánh mì ủ trong chăn, *có "đậu phụng rang húng líu" của ông Tàu già ở tháp Hoà Phong gần hồ Gươm.* Sau này nhiều người học nghề ông Tàu già rao lang thang khắp phố phường: "Phá xa, húng lìu nóng ròn đây"...

Thì Sài Gòn cũng có "Chú chệt bán đậu phọng rang". Bởi từ câu thơ trong tập thơ rất xưa *Hoa trái mùa* từ năm 1943…
Quần chằm khiếu, áo lang thang
Trên đầu đội cái nón rách
Đi khắp quanh đường tắt
Làng trên xóm dưới reo vang
Tàu phọng rang

Văn hoá ẩm thực

Hủ tiếu sa tế

Hủ tiếu sa tế từ người Tiều (người Triều Châu) là món ăn đặc trưng của Sài Gòn. Trước đây món này chỉ phổ biến trong cộng đồng người Hoa nhưng sau đó lan khắp nơi nhờ vị cay, ngọt thanh, mặn hòa được chế biến cũng được Việt hóa với rau quế, ngò gai bổ sung.

Thành phần một bát gồm *thịt bò, giá, khế chua*...Nước dùng cầu kỳ, phức tạp với gần 20 loại gia vị như tỏi, hành tím, gừng, sả, đại hồi, tiểu hồi, quế, bột ớt, vừng rang... tạo nên *màu vàng, sánh,* thơm nồng nàn.

(Nguồn: Diệu Huyền)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những giải thích sai, hoặc không giải thích nghĩa đen, ghi sai, ghi nhầm, hiểu sai hoàn toàn ý nghĩa thành ngữ tục ngữ trong "Tự điển thành ngữ tục ngữ Việt Nam " của Nguyễn Lân.

Bụng đói như bò bắt nợ

Con bò mà người có nợ phải trả hẳn là bị đói, chẳng béo tốt gì ý nói: đói quá.

Đói có muôn vàn kiểu đói, sao lại ví *"đói như bò bắt nợ"* ? Câu này không đơn giản chỉ là *"ý nói: đói quá",* đói vì *"con bò mà người có nợ phải trả hẳn là bị đói"* như GS hiểu sai nghĩa đen và suy diễn. "Chó gầy xấu mặt nhà nuôi" vì chó ăn theo người. Nhà nghèo, người còn thiếu cơm ăn, chó làm sao béo tốt được ?
Nhưng bò đâu có ăn cơm, thóc lúa, lương thực ? Nó ăn cỏ và uống nước lã. Thế nên, bò nhà nghèo vẫn béo tốt như thường. Thậm chí được chăm sóc cẩn thận và rất béo tốt, bởi đó là cả gia tài của họ. Hơn nữa, có muôn vàn nguyên nhân dẫn đến bị bắt nợ. Không hẳn nhà nghèo mới bị bắt nợ.

Vậy sao lại "đói như bò bắt nợ"? Thực ra "bò bắt nợ" là *con bò bị chủ nợ bắt về, bị buộc (nhốt) một chỗ (ép buộc con nợ phải lo trả nợ và tránh bị đánh tháo)*. Trong khi chưa chính thức thuộc quyền sở hữu của chủ nợ (con nợ có thể đến chuộc) thì *bò không được cho ăn uống gì,* luôn thể hiện vẻ sợ hãi, bồn chồn.

Ý thành ngữ là bị *đói khát* trong hoàn cảnh rất trớ trêu, bơ vơ nơi xa lạ, không được ăn uống chăm sóc, cũng không thể tự đi tìm kiếm thức ăn được…

(Hoàng Tuấn Công)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

hậu môn 後門

Chúng ta thường dùng từ hậu môn để chỉ lỗ đít. Đó chỉ là cách dùng và cách hiểu của người

Việt Nam. Trong tiếng Hán, từ *hậu môn* thường được dùng với nghĩa là *cửa sau*, cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, và rất ít khi được dùng với nghĩa là lỗ đít.

Từ hậu môn của chúng ta dịch sang tiếng Hán là giang môn.
Hậu môn là một từ gốc Hán đã được Việt hoá để mang một nghĩa khác với nghĩa của nó trong tiếng Hán.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Câu đố dân gian

Mình dài một tấc,
Quần áo quá nhiều;
Sống chẳng biết nói,
Chết la vang trời
(cái pháo)

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

Cuốn sách được đặt tiêu đề: *Từ điển chính tả tiếng Việt* của Gs Nguyễn Văn Khang hoàn toàn không "*xử lí chính tả*" theo tài liệu, mà "*xử lí*" theo *cảm tính chủ quan, hoặc căn cứ theo một nguồn tài liệu nào đó, dẫn đến rất nhiều sai sót.*

"trung: lang *chung".*

Viết chuẩn là "lang *trung*" 郎中 (thầy thuốc; tên một chức quan).

(Hòang Tuấn Công)

Bố cục câu đố

Người dân quê có một óc trừu tượng rất tinh tế. Nhìn một sự vật, cũng như nhà họa sĩ, họ tách biệt ra được ngay giữa những màu sắc hỗn hợp một màu sắc riêng biệt với một vài đặc tính cá thể của vật đó, khiến họ chỉ cần nhớ ngần ấy đủ nhận lại và làm cho người khác cũng nhận ra được sự vật.

Nói nôm, trong câu đố, *sự vật được tả một cách rất sơ sài, nhưng rất tài tình.* Cái sơ sài đó phải biểu hiện tính cách đặc biệt của sự vật làm cho sự vật đó không thể lầm lẫn với sự vật khác.
Đây, ta nghe họ tả một cây rau xam:
Cây xanh, lá đỏ, hoa vàng,
Hạt đen, rễ trắng, đố chàng biết chi?
Hay là một quả dừa
Sông không đến, bến không vào,
Lơ lửng giữa trời, làm sao có nước?

(Câu đố - Thanh Lãng)

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

"trưởng: *trưởng* bạ. → không viết: *chưởng*". (Nguyễn Văn Khang)

Viết "chưởng" mới đúng. Vì "chưởng" 掌 nghĩa là *nắm, giữ*; "chưởng bạ" 掌簿 = người nắm giữ sổ sách giấy tờ.
"*Giấy má làm theo kiểu văn tự bán đất có chữ ký, có triện của lý trưởng chưởng bạ*." (Tô Hoài).

(Hòang Tuấn Công)

Câu đố dân gian

Trên dương gian trăm ngàn đoạn khúc,
Xuống dưới đất, mẹ đẻ con ra;
Con thì quấn quýt mẹ cha,
Mẹ tôi ốm yếu, đẻ tôi ra ù ì
(khoai lang)

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

"xa: *xa* trường. → không viết: *sa*". (Gs Nguyễn Văn Khang)

Viết "sa" mới đúng. Vì "sa trường" 沙場 là từ Việt gốc Hán, trong đó "*sa*" 沙 nghĩa gốc là "cát", "bãi cát ven sông". "*sa* trường" 沙場 = bãi cát bằng mà rộng, thường dùng để chỉ *chiến trường*.

(Hòang Tuấn Công)

Nón quai thao

Nón quai thao lợp lá gồi hoặc lá cọ. Lá mỏng, sống nhỏ, không già. Quanh nón là thành nón cao giúp che khuôn mặt người đội tuy vẫn giữ thoáng, mát. Giữa nón là khua nón, một vành tròn cao khoảng 8 cm, ráp đúng vào đầu để đội cho chắc. Tuy nhỏ, khua nón đòi hỏi nhiều công phu để làm. Phải chuốt bóng sợi tre nhỏ trước khi lấy chỉ móc trắng và săn như giây cước may kỹ lại với nhau. Khua cần phải cứng để chịu đựng được nón nặng.

(Chiếc nón quai thao Kinh Bắc – Võ Quang Yến)

Sách cũ miền Nam 1954 -1975

Sau này, ông Khai Trí ở Mỹ về VN một lần nữa, hy vọng làm được một chút gì. Ông đã mang về 2000 đầu sách để tiếp tục làm văn hoá. Sách bị tịch thâu với lý do : *in trước 75*.
Theo Nguyễn Thụy Long, phần lớn sách bị tịch thâu là các sách học làm người, báo chí quý hiếm trước 1954. Sách ông mang về ai cũng biết là sách hiền, sách tốt cả. Mà dại gì ông mang sách dữ. Nó chỉ có một cái tội: *Tội đã in trước 1975.*

Ông đau lòng vì sách, ôm đơn đi kiện. Kết cục chẳng đi đến đâu. Trước khi ông mất, người ta đã không quên đặt tên ông cho một con phố nhỏ. Đúng như ông thày TQ nhận xét: *Hôm qua nó giết mình, hôm sau nó mang vòng hoa đến phúng điếu.*

Ông ra đi tại nhà riêng, hỏa táng tại Bình Dương. Cụ Toan Ánh, năm nay 91 tuổi, trong bữa đưa đám ma ông Khai Trí than thở: *tại sao mình sống lâu như thế, ông Khai Trí mới có 80 tuổi.*

(Nguyễn Văn Lục)

Đừng tưởng

Đừng tưởng cười nói ân cần
Nhiều khi hiểm độc, dần người tan xương
(Bùi Giáng)

Góp nhặt chữ nghĩa làng văn

Lê Văn Trương

Lê Văn Trương (1906-1964), bút hiệu Cô Lý, là nhà báo, nhà văn. Theo nhiều nhà nghiên cứu văn học, ông được xem là cây bút có số lượng tác phẩm nhiều nhất.

Lê Văn Trương sinh tại làng Đồng Nhân, Hà Nội. Thuở nhỏ, ông học tiểu học ở Bắc Giang. Năm 1921, ông theo cha về Hà Nội thi vào học trường trung học Bảo hộ (tức trường Bưởi, Hà Nội). Học đến năm thứ ba thì bị đuổi, vì cùng với bạn cầm đầu cuộc phản kháng chống lại một hiệu trưởng người Pháp đã mắng học sinh người Việt là "Sale Annamite" ("Tên An Nam bẩn thỉu!").
Sau khủng hoảng kinh tế 1931-1932, sau khi bị phá sản, ông đi làm thầu khoán, buôn bò, buôn ngọc, buôn lậu...có khi sang tận Thái Lan, Trung Quốc.

Năm 1932, ông trở về nước tham gia làng báo, làng văn ở đất Bắc, cộng tác với báo *Trung Bắc tân văn*, *Tiểu thuyết thứ Bảy, Phổ thông bán nguyệt san*. Đầu năm 1954, ông vào Sài Gòn làm thầu khoán, viết báo, tái bản sách.

Ngày 25-2-1964, Lê Văn Trương mất tại một căn nhà ở hẻm Bùi Viện, Sài Gòn , trong cảnh nghèo đói và tật bệnh, lúc 58 tuổi.

Tướng mặt

Mặt là bộ phận được nghiên cứu nhiều nhất trong nhân tướng học phương Đông. Chỉ cần nhìn qua người đối diện, bạn có thể biết cá tính, vận mệnh cả đời của người đó.

1 - Khuôn mặt chữ Điền (田)
Đây là khuôn mặt *vuông vức* có trán rộng, cằm hơi nhô, độ dài, rộng của cằm tương đương phần trán. Mặt trông rắn rỏi nhưng không thô, thuộc dạng dễ coi
Khuôn mặt được coi là quý tướng, tiêu biểu cho *sự quyết đoán*, chủ nhân vận thế tương đối tốt. Cả đời luôn được sung túc.

Những nhà văn và truyện ngắn

Đi xa hơn, một số tác giả cho rằng truyện ngắn gần với thơ. Đó là “Một thể văn cô đọng gần như thơ,” theo Viên Linh; Võ Phiến cụ thể hơn một chút, truyện ngắn là “*thứ thơ tản văn và có ít nhiều tình tiết*. Dương Nghiễm Mậu mở rộng hơn khái niệm này khi cho rằng: “Truyện ngắn gần với thơ, nó như những bước đi đầu vừa ngỡ ngàng vừa hăm hở, ở đó có những xúc động nhẹ nhàng, hoặc bất ngờ hung hãn như một nhát chém.”

Bàn về nghệ thuật viết truyện ngắn, theo kinh nghiệm riêng của mình, Túy Hồng thú nhận rằng viết một truyện ngắn cũng mất nhiều thì giờ, “có khi hai ba tháng chưa ra một truyện.” Nó “đòi hỏi nhiều công phu và hy sinh.” Vì sao? Vì bà “chú ý mạnh đến *cách sử dụng từ ngữ và tâm lý nhân vật hơn là tìm cốt truyện và bố cục câu chuyện*. Tôi *chú ý thật nhiều đến đoạn kết*”

Trong lúc đó, Nguyễn Thị Hoàng có một cái nhìn tương đối khác. Theo bà: “Một truyện ngắn phải là một chuỗi liên tục của biểu tượng nào đó, nên phải được thoát ra, như một hơi thở không dứt. Vì vậy, khi viết, từ chữ đầu cho đến chữ cuối của một truyện ngắn, tôi thường không nghỉ viết một lần nào, mà chỉ một hơi liên miên cho đến khi xong.”

(Trần Doãn Nho)

Góp nhặt chữ nghĩa làng văn

Lan Khai - Nghệ sĩ tài năng bị lãng quên?

Cuốn nổi tiếng nhất của Lan Khai về mảng hiện thực - tâm lý xã hội. nổi bật nhất là cuốn *Lầm than*. Tác phẩm viết về cuộc đời cơ cực của người thợ mỏ, ở đây là Thuật. Một cuộc sống vất

vả, nhọc nhằn, làm mỗi ngày đến 14, thậm chí 18 tiếng mà không đủ ăn. Cái chết luôn rình rập mỗi khi có tai nạn nổ khí hay sập lò.
Tác phẩm được nhiều nhà phê bình, nhà văn đánh giá là có giá trị do "ghi lại những cái đáng ghi" trong đời sống (lời Vũ Ngọc Phan), được một nhà văn "to gan lớn mật nhất văn giới Bắc Hà" (lời Nguyễn Tuân) viết ra. Trước Nam Cao khá lâu, Lan Khai là người đã mở ra trước mắt người đọc cái thế giới đầu mâu thuẫn, đôi khi nhỏ bé, thảm hại và mòn mỏi của những người cầm bút thời...

Ở lĩnh vực nghiên cứu lý luận và phê bình, ông đã thể hiện rất rõ quan điểm về *thiên chức của nhà văn*...Ông phê phán *sự: mất gốc, mô phỏng, sáo rỗng, và thiếu tinh thần chống ngoại xâm của nền văn chương* lúc bấy giờ...Rồi bị người Pháp bắt và bị còng tay đưa lên xe lửa Hà Nội, tôi thấy có mặt anh Lan Khai. Hôm ấy anh ốm quá, mặt xanh xao gầy còm. Tôi mỉm cười ngó anh. Anh đáp lại bằng một cái nhìn đăm chiêu tịch mịch.

Sau này, trong thời kỳ đồng bào miền Bắc di cư, tôi có tìm kiếm các bạn cũ đất Hà Thành. Một đôi bạn cho tôi biết *Lan Khai đã bị thủ tiêu ở Tuyên Quang*. Tôi nghẹn ngào, không nói được. Tôi biết anh là *người của VNQDĐ, bạn đồng chí rất thân của Nhượng Tống. Đó là nguyên do người ta thù ghét anh...*

(Phạm Vũ)

Nói lái trong văn học

Cá ở ngoài khe có ít nhiều
Cồn lau cỏ lách có hoang liêu
Em về có hỏi răng ri rứa
Nhắm mắt đưa chân có bận liều
(Bùi Giáng)

Trò chuyện cùng nhà văn

Ban Mai: Vậy cuộc sống của các nhà văn miền Nam như thế nào trước tình hình chiến sự ngày 30 tháng 4 năm 1975, những ngày sau cùng, và rồi sau tuyên bố đầu hàng của Dương văn Minh, họ có lo lắng và suy nghĩ gì?
Thế Phong: Tôi chỉ nói riêng về gia đình chúng tôi. Từ Khu Gia binh Không quân ở Tân Sơn Nhất ra ở nhờ chị họ, tại 13 Trần Khắc Chân, Tân Định một tuần; sau chuyển sang căn nhà ở 118/12 Trần Khắc Chân Tân Định- Nhà có gác lửng bỏ không , anh Đàm Xuân Cận cho ở nhờ.

Bắt đầu, kiếm miếng sống độ nhật - sắm một tủ kiếng nhỏ, mua bánh bông lan về bán lẻ, đầu tiên ngồi trước ngõ 27 Trần Khắc Chân, bán ế, chuyển ra trước chợ Tân Định. Một thời gian sau, tôi đi làm " lơ" xe, tuyến xe buýt Thủ Đức-Saigon. Rồi tôi trở thành công nhân viên chức Công ty Xe Khách Thành, từng" kinh qua" phụ xe, nhân viên an toàn giao thông, bảo vệ điều độ.

186 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Nhà văn *Trần thị NgH*, một bút danh đặc biệt như văn phong của chị, bắt đầu viết năm 1968 với tác phẩm đầu tay "Nhà Có Cửa Khóa Trái", được xem là tác phẩm có tính cách đột phá vào thời đó và thường được gọi là "cây viết ngỗ ngáo" vào thập niên 70.
Sau thời gian dài im lặng, hơn 10 năm gần đây chị trở lại với văn học, vẫn với phong cách viết rất đặc biệt của mình: sinh động, trào lộng nhưng vẫn chuyên chở những vấn đề xã hội. Minh Thùy có dịp phỏng vấn nhà văn Trần thị NgH, mời quí vị theo dõi:

Minh Thùy: *Chào chị Trần thị NgH, cái tên này có vẻ khá bí hiểm với bạn đọc, vì sao chị có cái bút hiệu không giống ai như vậy, chị có thể cho biết tên thật không?*

Trần thị NgH: Tên thật là Trần thị Nguyệt Hồng. Thứ nhất, tôi chọn như vậy vì lấy từ chữ ký, ngắn gọn dễ chịu; thứ hai, cái tên hơi sến nên tôi không thích lắm; thứ ba do...*hèn*, lúc mới thập thò ở cửa viết lách, *không dám xuất đầu lộ diện sợ bị má rầy.*

Minh Thùy: *Truyện ngắn đầu tiên của chị là truyện gì, khi mới bắt đầu viết chị có gặp khó khăn khi gửi truyện đến các tạp chí văn học không, vì chưa có tên tuổi trong giới văn nghệ ?*
Trần thị NgH: Truyện ngắn đầu tiên để chuyền tay nhau đọc được viết rất sớm, lúc còn học tiểu học. Để đăng báo ngày là những truyện viết trong thập niên 60. Đầu thập niên 70 mới gửi đến các tạp chí có vẻ cây đa cây đề, sừng sỏ trong giới văn nhệ...
Truyện ngắn đầu tiên được gửi đến tạp chí Văn - lúc đó anh Trần Phong Giao làm tổng thư ký - *không được chọn đăng*; nhưng cũng truyện đó khi *gửi sang tạp chí Vấn Đề của Mai Thảo thì được chọn.* Truyện có tựa là Chủ Nhật.

Minh Thùy: *Theo Minh Thùy được biết trước đây chị được xem là nhà văn ngỗ ngáo nhất trong số các nhà văn nữ, lý do tại sao, và tên gọi như vậy có đúng với phong cách viết văn của chị không?*
Trần thị NgH: *Ngỗ ngáo là chữ của người khác đặt cho người viết,* còn người viết *trong người như thế nào cứ...xịt ra như thế ấy*, chả biết có phải là ngỗ ngáo không, nhưng mà không thích điệu, thích cắt tóc tém, đi nhanh, ăn mặc gọn; trong văn chương không thích uốn éo, không tráng men, chắc vì vậy nên được coi là ngỗ ngáo.

(Nói chuyện cùng nhà văn Trần Thị NgH – Mimh Thúy)

Tướng mạo con người qua ca dao, dân ca

Ăn uống khoan thai là…*người thanh cao*
Ăn uống nhồm nhoàm là người thô tục

Giai thoại làng văn xóm chữ - 1

Năm mười ba tuổi, *Nguyễn Bính* làm mọi người kinh ngạc về tài thơ của mình. Năm đó, vào dịp tháng ba âm lịch, hội Phủ Giầy tỉnh Nam Định quê ông có tổ chức một cuộc thi thơ. Đề thi là tả *cảnh chọi gà* trong ngày hội. Trong lúc mọi người đang loay hoay làm bài, người ta đã thấy một cậu bé con bước vào chỗ ban giám khảo đang ngồi để nộp bài. *Đó chính là Nguyễn Bính.*
Bài thi của cậu bé là *một bài thơ dài hơn ba trang giấy học trò.* Sau khi xem xét cân nhắc, ban giám khảo quyết định chấm ngay giải nhất cho bài thơ. Và khi ban tổ chức dùng loa để đọc to bài thơ lên giữa sân đình cho mọi người cùng thưởng thức.

Điểm đặc biệt đến sự hình thành phong cách thơ Nguyễn Bính về sau trong câu chuyện thú vị này. Trong bài thơ tả cảnh chọi gà đó, ngoài sự độc đáo về mặt nghệ thuật thì chỗ làm tất cả mọi người, từ ban giám khảo đến người tham dự phải tâm phục khẩu phục là hai câu kết. Tác giả đã lấy hai câu ca dao *"Khôn ngoan đá đáp người ngoài/Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau"* để đưa vào bài thơ tả cảnh chọi gà một cách thật thú vị và đầy ý nghĩa.

(Chú bé si tình Nguyễn Bính – Trần Đình Thu)

Tướng mạo con người qua ca dao, dân ca

Răng cao, miệng nhỏ: điêu ngoa
Răng thấp môi kín: thương cha nhớ chồng

Chữ nghĩa làng văn - 2

Nếu ai quá tin vào những chỉ dẫn có sẵn hẳn sẽ nhận được thông tin sai lạc, ví dụ nếu tra trong Từ điển thư tịch báo chí Việt Nam (Hà Nội: Nxb Văn Hóa Thông Tin) *sẽ chỉ biết có một tờ Trăm Hoa của Chủ nhiệm kiêm Chủ bút Nguyễn Bính*, ra từ tháng 10/1956.

Trên thực tế có *hai tờ Trăm Hoa*:
1/ Đầu tiên là tuần báo Trăm Hoa do Nguyễn Mạnh Phác làm Chủ nhiệm, ngoài tên gọi Trăm Hoa (đặt theo tinh thần "trăm hoa đua nở" đang là khẩu hiệu đương thời ở Trung Quốc, tinh thần này được nói rõ ở lời mở đầu số 1 của tòa soạn) còn có phụ đề là "tuần báo tiểu thuyết", tòa soạn đặt tại 15 Hai Bà Trưng, Hà Nội Tờ Trăm Hoa này ra được 31 số, tồn tại từ tháng 9/1955 đến giữa tháng 5/1956; mỗi số thường có 26 trang ruột và 4 trang bìa, khổ báo 18x26 cm; ban đầu trang bìa chỉ ghi chức danh Chủ nhiệm của Nguyễn Mạnh Phác; từ số 11 (19/11/1955) trên tiêu đề mới xuất hiện thêm chức danh *Chủ bút của Nguyễn Bính.*

2/ *Tuần báo Trăm Hoa do Nguyễn Bính* làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút là Trăm Hoa loại mới, tòa soạn đặt tại 17 Lê Văn Hưu, Hà Nội; số 1 ra ngày Thứ Bảy 20/10/1956; sau số 11 (Chủ Nhật 6/1/1957) là hai số cuối cùng, đều không đánh số: Trăm Hoa Xuân, và Trăm Hoa số đặc biệt đầu Xuân, đều phát hành trước và sau Tết Đinh Tỵ. Trăm Hoa số thường gồm 8 trang in typo 28x40cm, hai số cuối là hai đặc san: Trăm Hoa xuân gồm 24 trang phát hành từ 23 Tết; Trăm Hoa số đặc biệt đầu xuân Đinh Tỵ.

(Nguyễn Bính và tuần báo Trăm Hoa - Lại Nguyên Ân)

Một số truyền thuyết sai lầm về Cao Bá Quát

Hoạn lộ

Tuy đỗ Cử nhân từ khoa 1831 nhưng mãi mười năm sau (1841) ông mới được triệu vào Kinh giữ chức Hành tẩu bộ Lễ, một chức quan hàng thất hay lục phẩm, có nhiệm vụ truyền các mệnh lệnh của vua, của các quan Thượng Thư hay quan đầu nha môn.

Tháng tám năm 1841 ông được cử làm Sơ khảo trường Thừa Thiên. Lúc chấm bài thấy cố mấy quyển viết hay nhưng lỡ phạm trường quy, ông cùng bạn là Phan Nhạ lấy muội đèn chữa hộ. Việc phát giác, Cao bị giam cầm, đánh đập gần ba năm mới thành án trảm, nhờ vua Thiệu Trị tiếc tài, cho giảm án xuống "giảo giam hậu", tức là *đáng lẽ bị chặt đầu thì nay được giam lại chờ ngày bị thắt cổ, được chết toàn thây* kể như tội nhẹ hơn. Cuối cùng án đổi sang "dương trình hiệu lực" nghĩa là được phép lập công chuộc tội, đi theo phái đoàn Đào Trí Phú sang "Tây dương" bán hàng nội hóa và mua sản vật Tây phương như ống dòm, phong vũ biểu v.v. Năm 1847, sau bốn năm bị thải, ông lại được triêu vào Kinh làm trong Hàn-lâm-viện. Hơn một tháng sau phải đi công cán ở Đà Nẵng, rồi trở về sưu tầm, sắp xếp các "văn thơ" cho vua

Năm 1850, ông đổi đi làm Giáo thụ ở Quốc Oai (Sơn Tây). Năm 1853 các tỉnh Sơn Tây, Kinh Bắc bị nạn châu chấu cắn lúa, dân đói khổ, nổi loạn. Ông từ chức, lấy cớ nuôi mẹ già rồi liên lạc với các nhóm nghĩa quân, bầu Lê Duy Cự (tức Duy Đồng, tự xưng là cháu bốn đời của Lê Hiển Tông) lên làm Minh chủ, mình làm Quốc sư. Ông khởi nghĩa ở Mỹ Lương, tức Chương Mỹ và Lương Sơn, Bắc Ninh), tiến đánh vùng Hà Nội, Sài Sơn (Sơn Tây) nhưng mấy tháng sau thua trận phải rút về Mỹ Lương.
Tháng 11 năm 1854 ông mất.

(Nguyễn Thị Chân Quỳnh)

Gọi là *tàu* có từ…thời Cao Bá Quát?

Cao Bá Quát xuất dương vào lúc chủ quyền lãnh thổ ở Trung Quốc và ở Việt Nam đang bị đe doạ trầm trọng : Hai năm sau khi những chiếc thuyền mành lỗi thời của nhà Thanh không địch lại sức mạnh cơ khí của những chiến hạm chạy bằng hơi nước của người Anh trong chiến tranh Nha Phiến và ba năm sau khi chiến thuyền Pháp lần đầu tiên vào bắn phá ở cửa biển Đà Nẵng.

Trên boong *tàu* Phấn Bằng, nhìn " con vật khổng lồ quái dị " chạy bằng hơi nước đang rẽ sóng phăng phăng từ xa tiến lại, Cao Bá Quát đã sáng tác bài *Hồng mao hoả thuyền ca* (Bài thơ về *chiếc tàu* chạy bằng hơi nước của người Anh).
Bởi vậy không phải ngẫu nhiên mà lời thơ của Cao Bá Quát trong bài này đượm vẻ hùng tráng.

Cao yên quán thanh không	Khói ùn lên tuốt trời xanh,
Ống tác bách xích đôi	Đùn lên cao ngút ba trăm thước liền,
Yêu kiều thuỳ thiên long	Rồng trời sa xuống nghiêng nghiêng,
Cương phong xuy bất khai.	Mặc cuồng phong thổi con tàu chẳng sao

Cao Bá Quát miêu tả khá chi tiết *con tàu* kinh dị này:
Cột tàu cao chót vót, con quay gió đứng im (*nguy tường ngật lập, ngũ lạng tĩnh*), ở giữa có ống khói phun khói lên cao ngất (*tu đồng trung trĩ, phún tác yên thôi ngôi*), bên dưới có hai bánh xe xoay chuyển liên hồi đạp sóng dồn (*hạ hữu song luân triển chuyển đạp cấp lãng*), guồng quay, sóng đánh tung toé ầm ầm như tiếng sấm rền (*luân phiên lãng phá, ẩn kỳ sinh nộ lôi*).

Một chiếc *cùm* lim chân có đế

Cao Bá Quát mộ quân nổi lên chống lại triều đình. Nhưng cuối cùng thất bại, ông bị giết.
Hoàng Xuân kể nhiều chi tiết về cái chết của Cao Bá Quát :
- Cao bị bắt giam tại ngục Sơn Tây, rồi bị đóng cũi đưa về Hà Nội, và giải vào Huế...
Tới kinh, Quát bị bỏ ngục chờ ngày hành quyết.
Nằm trong ngục, Cao Bá Quát không hề sợ sệt, tự nhạo cái mộng đế vương của mình :
Một chiếc *cùm* lim chân có đế
Ba vòng *xích* sắt bước thì vương

Sau được lệnh của triều đình, người ta giải ông cùng hai con (Bá Phùng và Bá Thông) về quê nhà để hành quyết.
Trước khi thọ hình, ông ứng khẩu ngâm hai câu chửi rủa :
Ba hồi trống giục, *đù cha* kiếp
Một nhát gươm đưa, *bỏ mẹ* đời
(Hoàng Xuân Hãn, *Cao Bá Quát thi tập*).

(Chửi thề, văng tục ! - Nguyễn Dư)

Tiến sĩ vinh quy

Năm 1780, định lại phép thi *võ cử*. Cứ ba năm mở một khoa, đại lược dựa theo thể lệ *thi hương, thi hội về bên văn*. Trước hết thi giương cung, múa siêu đao, sau thi bắn cung, múa kiếm và cưỡi ngựa múa đâu mâu, sau nữa thì văn sách hỏi 7 bộ sách trong Võ kinh và một bài về phương pháp mưu mẹo việc binh. Người nào 3 kỳ đều trúng cách, là *tạo sĩ* (...).

Thời Nguyễn chép thi *tạo sĩ* hay *võ cử*. chia làm bốn kỳ (...) (1).
Năm Minh Mạng thứ 17 mới mở khoa thi võ ở Thừa Thiên, sau lại mở thêm trường thi ở Hà Nội và ở Thanh Hoá. Năm Thiệu Trị thứ 5, nghị định cứ năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu thì mở khoa *võ hương thí*; Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thì mở khoa *võ hội thí*. Cứ thi văn chương thì kế đến thi võ.
Ai quán cả 3 kỳ võ hương thí, điểm cao cho đỗ *võ cử nhân*, điểm thấp cho đỗ *võ tú tài*. Võ hội thí, ai trúng đủ 3 kỳ thì cho dự đình thí. Điểm cao cho đỗ *võ tiến sĩ,* điểm thấp đỗ *võ phó bảng* (2).

Tạo sĩ thời nhà Lê, võ tiến sĩ thời nhà Nguyễn cũng được ân thưởng mũ áo, biển lọng, cũng được ăn yến, xem hoa và được vinh quy như các ông tiến sĩ bên văn. Rất có thể các ông quan võ *Tạo sĩ* được *cưỡi voi* vinh quy như trong tranh dân gian. - (nguồn: Nguyễn Dư)

(1) *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*
(2) Phan Kế Bính, *Việt Nam phong tục*

Hàm Nghi: một nhà ái quốc - 1

Vào cuối thập niên 1970, người viết (Trần Đông Phong) có dịp sang làm việc tại một số quốc gia Bắc Phi và trong những ngày lưu lại Alger, thủ đô nước Algérie, tình cờ có được nghe một số người Algériens lớn tuổi nói về một người VN rất nổi tiếng tại đây vào hồi cuối thế kỷ thứ 19 đầu thế kỷ thứ 20 với một niềm ưu ái và kính phục, đó là người mà họ gọi là Le Prince d Annam hay là "Hoàng Tử Xứ Annam."

Le Prince d'Annam chính là vua Hàm Nghị
Đối với người VN thì vua Hàm Nghi là một trong hai vị vua trẻ tuổi anh hùng nhất vào cuối thế kỷ thứ 19 và đầu thế kỷ thứ 20 vì hai thiếu niên này đã dám đứng lên chống lại thực dân Pháp để rồi cả hai người đều bị thực dân đưa đi đày sang tận Phi Châu: Vua Duy Tân bị đày sang đảo Réunion và vua Hàm Nghi bị đày sang nước Algérie.

Vua Duy Tân thì đã được nhiều người nói đến sau khi ngài bị tử nạn phi cơ vào tháng 12-1945 tại Trung Phi, tuy nhiên vua Hàm Nghi cho đến năm 1975, người VN gần như không được biết gì về cuộc đời của ngài sau khi bị đày sang Algérie từ năm 1889.

Khi nghe nói về vua Hàm Nghi, trong những ngày giờ rảnh rỗi, người viết không bỏ lỡ dịp may đi tìm hiểu thêm về cuộc sống lưu đày của vị anh hùng này tại nước Algérie và trong thâm tâm, có ý nguyện tìm kiếm thêm tài liệu để sau này ghi chép lại về cuộc đời của vị hoàng đế trẻ tuổi trong *cuộc sống lưu đày trên lục đia. Phi Châu trong suốt 55 năm trời.*
Nhà vua có thể được xem như là "Người VN bị lưu đày đầu tiên" tại Phi Châu và ông đã khuất phục được những hàng rào như chủng tộc, ngôn ngữ, văn hóa để tạo được một cuộc sống đầy tiết tháo và tư cách của một vị quân vương, với những năm tháng lưu đày tương đối thoải mái nơi xứ người.

Dưa. vào một số tài liệu mới nhất về cuộc đời trưởng thành của vua Hàm Nghi, người viết hy vọng rằng bài viết này đây sẽ có một khái niệm về cuộc sống lưu đày, tuy đã bị mất nước, nhưng vẫn giữ tròn danh dự của một đấng quân vương, giữ tròn khí tiết của một người VN, nhưng vẫn cố gắng học hỏi để thích ứng với một nền văn hoá hoàn toàn ngoại lai của cuộc sống nơi xứ người và ông đã trở thành một người nghệ sĩ đa tài, đã chinh phục được sự yêu mến không những của người dân Algériens và người Pháp. Trong số đó có người vợ trong 40 năm của ông, một người đàn bà thuộc giai cấp thượng lưu người Pháp, bà Marcelle Laloe.

(Trần Đông Phong)

Khoa cử thời xưa

Quốc tử giám hay Văn miếu
Khởi đầu là *Văn thánh miếu*, dựng tháng 8 năm 1070 đời Lý Thánh Tông, phía tây nam thành Thăng Long, thờ Khổng Tử và Chu Công tại chính điện, thêm Tứ phối là Nhan Uyên, Tăng Sâm, Tử Tư va Mạnh tử.

Gia Long mở trường Quốc tử giám ở xã Yên Ninh, phía tây thành nội Huế, chính điện thờ Khổng Tử, hai bên là thần vị Tứ phối, phía đông và tây thờ Thập nhị triết, trước sân là tả vu và hữu vu, thờ Thất thập nhị hiền, phía nam là khu dựng bia tiến sĩ triều Nguyễn.

Hàm Nghi: một nhà ái quốc - 2

Sau khi vua Tự Đức băng hà, triều đình và hoàng gia chọn người con nuôi trưởng của nhà vua là Ưng Chân lên làm vua lấy hiệu là Dục Đức, dù rằng trong di chiếu, vua Tự Đức nói rằng trong ba người con nuôi của ông thì Dục Đức ăn chơi không xứng với ngôi vị thiên tử. Tuy

nhiên Thái hậu Từ Dũ và bà Học Phi áp lực với ba vị đại thần là Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường và Trần Tiễn Thành đưa Dục Đức lên làm vua. Nhưng sau khi lên ngôi được ba ngày thì vua Dục Đức khám phá ra việc Nguyễn Văn Tường thông gian với bà Học Phi, một phi tần của vua Tự Đức, nên vua bị Nguyễn Văn Tường và bà Học Phi tìm cách hãm hại.

Vua Dục Đức làm vua được ba ngày, từ 20 cho đến ngày 23 tháng 7 năm 1883, rồi bị Phụ chánh Nguyễn Văn Tường ra lệnh giam vào lãnh cung cho đến khi bị chết đói vào ngày 6 tháng 10 năm 1883, thọ 31 tuôi. Theo *Việt Nam sử lược*, sử gia Trần Trọng Kim cho biết: "Ở Huế Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết chuyên chế đủ mọi đường. Tháng 9 năm Giáp Thân (1885,) hai ông ấy đem ông Dục Đức giam vào nhà tối, không cho ăn uống để chết đói, đổ tội cho là thông mưu với giặc…"
Lúc bấy giờ ở kinh đô Huế dân gian có câu vè như sau:
Nước Nam có bốn gian hùng:
Tường gian, Viêm dối, Khiêm khùng, Thuyết ngu

(Trần Đông Phong) (1)

(1) Trần Đông Phong, tên thật là Trần Đức Thắng, sinh năm 1937 tại Thanh Hóa. Năm 1958, ông là giáo sư trường trung học Phan Thanh Giản, Cần Thơ. 1969-1975, ông là chủ bút Nguyệt San Anh Ngữ "Free Front,", Sang Hoa Kỳ năm 1995, định cư tại Dallas, Texas.
Tác phẩm: "Việt Nam Cộng Hòa, 10 Ngày Cuối Cùng", "Cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa Hoa Kỳ và VN: Thomas Jefferson, Hoàng Tử Cảnh" và "Vua Hàm Nghi: Một nhà ái quốc, một nghệ sĩ tài hoa" nhưng chưa kịp ấn hành thì qua đời năm 2009 tại Dallas.

Giai thoại làng …vua xóm chữ

Vua Lê Thánh Tông cấm phá thai

Trong bộ luật Hồng Đức do Lê Thánh Tông ban hành có nhiều quy định liên quan đến nghề y như trừng phạt thầy thuốc kém đức, vấn đề về pháp y... Vua ra lệnh cấm phá thai.
Theo sách *Đại Việt sử ký toàn thư* (1484):
"…Ngày 12, nhắc lại việc đàn bà phá thai và phá thai cho người khác. Trước đây có lệnh cấm rằng: loại đàn bà tàn nhẫn, vì muốn ít con cái để giữ lấy nhiều của, hoặc ngại việc sinh đẻ, muốn tránh khó nhọc, thấy mình có thai, dùng kế cho sẩy thai, thương tổn tính mệnh, làm hại luân thường, cùng là những kẻ phá thai cho người khác, đều phải tra xét, trị tội theo luật pháp.

Thế mà vẫn không đổi lỗi trước, vẫn theo thói cũ, tệ trước càng tăng, coi thường pháp luật, làm hư phong tục không gì hơn thế. Nay hãy nhắc rõ lệnh trước, răn cấm nghiêm hơn, nếu có người đàn bà nào như hạng nói trên mà mọi người đều biết, cùng là người chồng không biết răn cấm, đều trị tội theo luật pháp…".

(Những chuyện thú vị về các vị vua Việt Nam – Lê Thái Dũng)

Sống trên đời…

"...Thịt mộc tồn rõ ràng có duyên nợ sao đó với văn chương, hay ít nhất với văn giới. Trong bài *Hành lạc từ* , Nguyễn Du khuyên "Có chó cứ làm thịt". *Tô Hoài chuyện cũ* khi nhớ thịt chó Hà Đông, khi tưởng thứ thịt chó bán trong ruột cây rơm ven đường Cầu Khâu. Đâu đó trong hồi ký đã vẽ hình ảnh một Nguyên Hồng ôm kè kè chiếc cặp có *gói cẩu nhục*.

Khi họa chân dung đời thường của *Xuân Diệu đã có thêm một nét nhỏ cho chúng ta biết thi sĩ của tình yêu mỗi tuần, mỗi đi chợ mua thịt chó sống về tự nấu nướng để bồi dưỡng cho thơ*…".

(nguồn Vũ Bằng)

Lại say

Thê ngôn tế tửu chân vô ích
Ngã dục tiêu sầu thả tự do
Việc trần ai, ai tỉnh ai lo
Say túy lúy nhỏ to đều bất kể
(Tản Đà)

Quán là…quán xá

Sự hình thành tên "đền Tú Uyên"
Đền Quán Thánh do vua chúa tạo dựng, trùng tu nên tên chữ được hình thành trước. Từ đó dân gian có thể sáng tạo tên nôm qua quá trình chuyển ngữ. Cụ thể như sau : Quá trình đảo trật tự ta có tên "Quán Trấn Vũ". Xu hướng bổ sung thành "Quán thánh Trấn Vũ", rút gọn thành "Quán Thánh" với "*quán*" trong tiếng Hoa đã được thay thế bằng "*đền*" là từ thuần Việt.

Để chứng minh cho việc dân gian đã từ chối hấp thu chữ "quán" có thể lấy đền Tú Uyên làm ví dụ. Đền Tú Uyên ở số 14 phố Cát Linh – Hà Nội còn có tên là đền Bích Câu là nơi thờ Trần Tú Uyên và tiên Giáng Kiều. Nghi môn của đền có chữ Bích Câu Đạo Quán trong đó chữ *quán* là *quán xá*.

Phân biệt hai chữ (*đạo quán* nơi thờ cúng sinh *đạo giáo*) và (*quán xá* là *nhà trọ*) được sử dụng ở đền Trân Vũ và đền Tú Uyên.

(David Phùng – Sự hình thành tên Nôm một số kiến trúc tôn giáo)

Văn hoá ẩm thực

Hủ tiếu bò viên

Hủ tiếu bò viên với sợi bánh của món này nhỏ như bún. Thành phần chỉ gồm sợi bánh, bò viên, hành khô và hành lá. Mỗi tô thường có từ 6 viên trở lên. Những miếng bò to tròn, có hai loại gân và thường. Hành lá xanh tươi tăng độ bắt mắt và hành phi thơm tạo vị ngon ngọt quyến rũ. Bạn nên kết hợp cùng các loại rau sống, hương vị sẽ đậm đà hơn nhiều.

(Diệu Huyền)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những giải thích sai, hoặc không giải thích nghĩa đen, ghi sai, ghi nhầm, hiểu sai hoàn toàn ý nghĩa thành ngữ tục ngữ trong "Tự điển thành ngữ tục ngữ Việt Nam " của Nguyễn Lân.

Bán bò tậu ễnh ương
Chê kẻ không biết làm ăn.

Câu này không được giải thích nghĩa đen. Vậy *con ễnh ương là con gì?* Tại sao *có người vụng làm ăn tới mức bán bò đi để mua con ễnh ương về ?.*
Ễnh ương thuộc họ ếch nhái, đầu nhỏ nhưng bụng rất to *(ễnh bụng ra).* Môi trường sống của chúng là các khu vườn hoang rậm, ẩm thấp, nhiều lá rụng, hay ngập nước. Chúng giao phối, sinh sản vào mùa mưa và thường gọi bạn tình bằng những âm thanh không biết mỏi: ộp…ương…ộp…ương *to như bò rống*. Đặc biệt khi kêu thì bụng ễnh ương càng phình ra.

Thế nên, *ễnh ương là hình ảnh* được dân gian chỉ loại *bò gầy*, suy dinh dưỡng, thoái hóa do sinh sản cận huyết hoặc có bệnh. *Vùng Thanh Hóa hay gọi loại bò này là "bò cóc".*

Nghĩa đen câu thành ngữ đang xét là: *bán một con bò tốt, mua về con bò khác gầy ốm, "bụng ỏng, đít beo" trông như con ễnh ương.*

Nghĩa bóng: chê kẻ vụng về, không biết làm ăn. Thế nên có bài ca dao cười diễn dịch rất hay câu thành ngữ này: *"Nhà anh khéo liệu khéo lo, Bán một con bò tậu cái ễnh ương, Đem về thả ở gầm giường, Đêm nằm ương ộp lại thương con bò…". Gầm giường là môi trường sống của cóc, không phải của ễnh ương.* Thế là cái *"nhà anh"* kia vụng về hết chỗ nói. Phải hiểu được nghĩa đen mới thấy hết cái hay, cái sâu sắc của tục ngữ, thành ngữ.

(Hoàng Tuấn Công)